ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN VĂN TÌNH

CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

Chuyên ngành : **Luật Hình sự**
Mã số : 60.38.40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Văn Đệ**

HÀ NỘI - 2007

MỤC LỤC

		Trang
	TRANG PHỤ BÌA	
	Lời cam đoan	
	MỤC LỤC	
	Danh mục những từ viết tắt trong luận văn	
	MỞ ĐẦU	1
Chương1	NHẬN THỨC CHUNG VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ	6
1.1	Khái niệm Cơ quan Cảnh sát điều tra	6
1.1.1	Vị trí Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự	6
1.1.2	Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự	10
1.2	Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở nước ta	14
1.3	Tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo pháp luật tố tụng hình sự hiện hành	17
1.3.1	Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo pháp luật tố tụng hiện hành	17
1.3.2	Hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự	19
1.4	Một số quy định của pháp luật tố tụng nước ngoài về Cơ quan điều tra	31
Chương2	THỰC TIỄN VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ	39
2.1	Thực trạng tổ chức bộ máy và cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra	39
2.2	Thực trạng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra	43
2.2.1	Kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra trên toàn quốc	43
2.2.2	Thực trạng áp dụng một số hoạt động tố tụng của Cơ quan	49

	Cảnh sát điều tra trong giải quyết vụ án hình sự	
2.3	Một số nhận xét về thực trạng tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra	62
2.3.1	Về quy định của pháp luật tố tụng hình sự	62
2.3.2	Về tổ chức bộ máy Cơ quan Cảnh sát điều tra	66
2.3.3	Về đội ngũ điều tra viên	68
2.3.4	Về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự	70
Chương3	MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ	74
3.1	Sự cần thiết phải đổi mới hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay	74
3.2	Một số giải pháp cụ thể góp phần nâng cao	77
3.2.1	Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra	77
3.2.2	Nâng cao chất lượng điều tra viên	83
3.2.3	Nâng cao hiệu quả quan hệ phối kết hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trong quá trình điều tra vụ án hình sự	85
3.2.4	Xử lý nghiêm minh đối với những người có liên quan việc vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra	87
	KẾT LUẬN	89
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giải quyết vụ án hình sự là quá trình áp dụng pháp luật rất phức tạp, tiến hành theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ, trong đó các cơ quan và người có thẩm quyền phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để làm rõ tội phạm, người phạm tội và những vấn đề khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Quá trình này đòi hỏi phải phát hiện, điều tra xử lý tội phạm và người phạm tội được chính xác, nghiêm minh, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, hoạt động của Cơ quan điều tra có một vị trí hết sức quan trọng. Kết quả của hoạt động điều tra là cơ sở để truy tố và xét xử vụ án hình sự, có ý nghĩa quyết định đến sự thành, bại đối với cả tiến trình tố tụng hình sự.

Từ khi Nhà nước ta ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989, Cơ quan điều tra ở nước ta đã được tổ chức thành hệ thống ổn định hơn và hoạt động có hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, việc triển khai tổ chức và hoạt động của các Cơ quan điều tra đã bộc lộ nhiều vướng mắc, như: cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thẩm quyền điều tra chưa hoàn thiện, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của điều tra viên còn hạn chế…, nên hiệu quả hoạt động chưa cao; có trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội v.v... làm ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả hoạt động điều tra, xử lý tội phạm. Đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Cơ quan điều tra có bộ máy lớn nhất, được tổ chức từ Bộ Công an đến Công an cấp huyện, có thẩm quyền điều tra gần 90% số tội danh quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành thì những vấn đề vướng mắc, bất cập càng trở nên bức xúc.

Đặc biệt là, trong điều kiện Nhà nước ta đang thực hiện chủ trương cải cách tư pháp theo các Nghị quyết của Đảng và nâng cao hiệu quả thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan Cảnh sát điều tra nói riêng để cơ quan này thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong hoạt động điều tra, khám phá tội phạm là một yêu cầu cấp thiết. Với nhận thức như vậy, việc chọn vấn đề: *"Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự* " làm đề tài luận văn cao học là cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong những năm qua, việc nghiên cứu về Cơ quan điều tra trong tố tụng hình sự nói chung và Cơ quan Cảnh sát điều tra nói riêng đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu lý luận và cán bộ thực tiễn. Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố, như:

- Chuyên đề "Hội thảo dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam", dự án VIE/95/018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, năm 1997.

- Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự, sách chuyên khảo của GS,TS. Đỗ Ngọc Quang, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1997.

- Thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra và quan hệ phối hợp với các cơ quan khác trong lực lượng Cảnh sát nhân dân trong điều tra tội phạm, PGS,TS. Nguyễn Ngọc Anh, chuyên đề hội thảo khoa học về tố tụng hình sự Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, năm 1997.

- Về cải cách Cơ quan điều tra, PGS,TS. Trần Đình Nhã, chuyên đề hội thảo khoa học về tố tụng hình sự Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, năm 1997.

- Phân cấp điều tra và sự phối hợp giữa các cấp điều tra của lực lượng Cảnh sát điều tra trong hoạt động điều tra hình sự, luận văn thạc sỹ luật học của Phạm Đức Toàn, Học viện CSND, Hà Nội, năm 1999.

- Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an, Ban soạn thảo Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự, Bộ Công an, Hà Nội, tháng 12/2002.

- Cơ quan điều tra Công an nhân dân, sách chuyên khảo của GS, TS Đỗ Ngọc Quang, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội năm 2001.

Tình hình nghiên cứu nêu trên cho thấy, tuy đã có một số công trình nghiên cứu về Cơ quan điều tra trong tố tụng hình sự, nhưng những công trình đó mới dừng lại ở một số lĩnh vực về cơ quan này như: thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra, mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tiến hành tố tụng,... mà chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện tổng thể về hệ thống Cơ quan điều tra. Mặt khác, do được tiến hành nghiên cứu đã lâu, nên chưa thể hiện được quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về đổi mới cơ quan tiến hành tố tụng trong tiến trình cải cách tư pháp nói chung và Cơ quan điều tra nói riêng được thể hiện trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 cũng như những yêu cầu của tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Mục đích nghiên cứu chính của luận văn là làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, thực tiễn của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự; đánh giá đúng thực trạng tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự, đặc biệt là hoạt động khởi tố và áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định về Cơ quan Cảnh sát điều tra trong pháp luật tố tụng hình sự để nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Để đạt được mục đích nói trên, luận văn phải thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

+ Luận giải về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật tố tụng hình sự khác.

+ Nghiên cứu những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

+ Khái quát thực tiễn hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, trong đó đặc biệt đề cập đến hoạt động khởi tố và áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

+ Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về Cơ quan Cảnh sát điều tra nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Trong phạm vi một luận văn Cao học, chúng tôi giới hạn việc nghiên cứu tập trung vào các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự về tổ chức, hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự, đồng thời dựa trên cơ sở nghiên cứu tình hình hoạt động thực tiễn chủ yếu trong hoạt động khởi tố và áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan Cảnh sát điều tra trên phạm vi toàn quốc.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm; về đổi mới, cải cách hệ thống cơ quan tư pháp nói chung, cơ quan điều tra nói riêng.

Quá trình nghiên cứu, trong đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, như : phân tích, tổng hợp; phân tích thuần tuý quy phạm pháp luật, khảo sát thực tiễn… Trong quá trình thực hiện đề tài luận văn, tác giả đã tiếp thu có chọn lọc kết quả của các công trình đã được công bố; các đánh giá, tổng kết của các cơ quan chuyên môn và các chuyên gia về những vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ở bình diện lý luận, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về Cơ quan điều tra nói chung, tổ chức và hoạt động điều tra vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự nói riêng.

Về thực tiễn, luận văn sẽ là tài liệu có giá trị, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập trong các cơ sở đào tạo của lực lượng Công an nhân dân, cũng như các cơ sở đào tạo khác. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp những luận cứ khoa học, làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tổ chức, hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự.

6. Bố cục của Luận văn

Luận văn được bố cục gồm: Phần mở đầu, 3 chương, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

Chương 1

NHẬN THỨC CHUNG VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm Cơ quan Cảnh sát điều tra

1.1.1. Vị trí của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự

Trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam, các công trình khoa học công bố trên các sách, báo pháp lý đều tương đối thống nhất quan điểm cho rằng, tố tụng hình sự là toàn bộ hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án), người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên toà), người tham gia tố tụng (bị can, bị cáo, người bào chữa...), của cá nhân, cơ quan nhà nước khác và tổ chức xã hội góp phần vào việc giải quyết vụ án hình sự theo qui định của Luật tố tụng hình sự.

Theo từ điển Luật học của Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa năm 2006, tố tụng hình sự được hiểu là: "*… cách thức, trình tự tiến hành các hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự, người tham gia tố tụng, của các cơ quan nhà nước khác và các tổ chức xã hội góp phần vào việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự"*[24, tr 768]

Điều 1 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định "*Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự….nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội*". Đây là một quá trình phức tạp, đòi hỏi phải tiến hành theo những trình tự, thủ tục chặt chẽ, trong đó các cơ quan và người có thẩm quyền phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để làm rõ tội phạm, người phạm tội và những vấn đề cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Từ những quy định nêu trên, có thể hiểu tố tụng hình sự như sau:*Tố tụng hình sự là toàn bộ hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và của các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức xã hội và công dân tham gia vào việc giải quyết vụ án hình sự.*

Quá trình giải quyết một vụ án hình sự được bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận những thông tin ban đầu về tội phạm. Còn về thời điểm kết thúc thì tuỳ thuộc vào diễn biến của từng vụ án cụ thể (thông thường quá trình tố tụng kết thúc khi bản án hoặc quyết định của Toà án được thi hành xong). Quá trình đó trải qua nhiều bước khác nhau. Mỗi bước trong trình tự tố tụng thực hiện một nhiệm vụ cụ thể, góp phần vào việc giải quyết vụ án hình sự và do những chủ thể nhất định tiến hành theo một trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự qui định. Trong lý luận khoa học Luật tố tụng hình sự các bước đó được gọi là các giai đoạn tố tụng hình sự. Mỗi giai đoạn tố tụng thực hiện một nhiệm vụ theo một hướng nhất định của quá trình tố tụng và chứa đựng những đặc điểm riêng biệt. Nhưng các giai đoạn tố tụng hợp thành thể thống nhất và có mối quan hệ gắn bó khăng khít với nhau. Từ nhận thức nêu trên chúng ta có thể hiểu các giai đoạn tố tụng như sau:

Các giai đoạn tố tụng hình sự là những hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng với những nhiệm vụ tố tụng độc lập được tiến hành theo một trình tự, thủ tục luật định với các hành vi tố tụng hình sự khác nhau trong tiến trình giải quyết vụ án hình sự.

Hiện nay, trong giới luật học còn có nhiều quan điểm khác nhau trong việc phân định các giai đoạn tố tụng. Theo từ điển Luật học của Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa năm 2006, các giai đoạn tố tụng hình sự gồm: *khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án "*[24, tr 768]. Mỗi giai đoạn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan tiến hành tố tụng. Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng. Trong giai đoạn này, bất kỳ cơ quan tiến hành tố tụng nào, trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình mà phát hiện dấu hiệu tội phạm đều có thể ra quyết định khởi tố vụ án hình

sự. Sau khi vụ án được khởi tố, hoạt động điều tra được tiến hành ngay. Trong giai đoạn này, Cơ quan điều tra có trách nhiệm tiến hành các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ điều tra, Viện kiểm sát thực hiện chức năng công tố theo luật định, thay mặt Nhà nước buộc tội người phạm tội trước Toà án. Công việc xét xử để quyết định hình phạt được thực hiện bởi cơ quan Toà án. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Toà án ra các quyết định liên quan đến việc đưa bản án đã có hiệu lực pháp luật vào thi hành. Do vậy, mỗi cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm trong một giai đoạn tố tụng đảm bảo không một tội phạm nào không bị phát hiện, không một người phạm tội nào có thể tránh khỏi hình phạt của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, Cơ quan điều tra nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng có vai trò hết sức quan trọng, giữ vai trò thành bại của cả quá trình giải quyết vụ án hình sự. Để làm sáng tỏ vai trò của Cơ quan CSĐT chúng ta phải nghiên cứu, tìm hiểu vị trí của cơ quan này trong tố tụng hình sự.

Việc đánh giá cơ quan nhà nước nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng cần xem xét trên nhiều khía cạnh. Thứ nhất, cơ quan nhà nước đó đứng ở vị trí nào trong hệ thống bộ máy Nhà nước. Thứ hai, cơ quan nhà nước đó thực hiện nhiệm vụ chức năng gì để đảm bảo cho bộ máy Nhà nước hoạt động bình thường.

Theo quy định tại Điều 33 Bộ luật TTHS năm 2003, Cơ quan CSĐT là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng. Theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 xác định rõ Cơ quan CSĐT cùng Cơ quan An ninh điều tra, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao hợp thành hệ thống Cơ quan điều tra- một trong những cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Xét trên khía cạnh bộ máy Nhà nước, thì Cơ quan CSĐT nằm trong hệ thống cơ quan hành pháp. Đồng thời, Cơ quan CSĐT còn thuộc lực lượng vũ

trang, là lực lượng có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị, xã hội, xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, ngăn chặn có hiệu quả và nghiêm trị mọi loại tội phạm, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Tuy Cơ quan CSĐT thuộc Bộ Công an, nhưng là cơ quan không thể thiếu được trong bộ máy Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ rất quan trọng là đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của đất nước, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Xét trên khía cạnh hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp thì cùng với các Cơ quan điều tra khác, Cơ quan CSĐT chiếm một vị trí hết sức quan trọng. Mặc dù Cơ quan CSĐT không có quyền quyết định một người có phải là người phạm tội hay không, nhưng để chứng minh tội phạm và người phạm tội làm cơ sở cho việc ra quyết định đề nghị truy tố hoặc quyết định truy tố bị can trước Toà án, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, cần thiết phải tiến hành hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng.

Theo PGS,TS. Trần Đình Nhã thì: " *Điều tra là khâu đột phá, là giai đoạn đầu giữ vai trò thành bại đối với cả tiến trình tố tụng hình sự. Những kết quả khả quan cũng như những sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội ... thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra. Vị trí quan trọng của giai đoạn điều tra đối với công tác xét xử không chỉ giới hạn ở số lượng chất lượng chứng cứ mà Cơ quan điều tra có thể cung cấp cho Toà án, mà thậm chí nhiều trường hợp, sự nhận định, đánh giá tội phạm của cơ quan điều tra và của Viện kiểm sát còn quy định giới hạn việc xét xử"* [26, tr2].

Như vậy, có thể khẳng định: hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT nói riêng và Cơ quan điều tra nói chung là hoạt động không thể thiếu được trong tố tụng hình sự. Toà án muốn xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì

trước đó, Cơ quan điều tra phải thu thập được những chứng cứ cơ bản, bao gồm những chứng cứ xác định có tội và những chứng cứ xác định vô tội, những chứng cứ xác định tình tiết tăng nặng cũng như những chứng cứ xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can. Hay nói cách khác, để giải quyết được vụ án hình sự thì phải có đủ chứng cứ xác định những tình tiết của vụ án hình sự, mà những chứng cứ này phải được thu thập bởi các Cơ quan điều tra.

Từ những điều đã trình bày trên, có thể thấy vị trí quan trọng của Cơ quan CSĐT trong bộ máy Nhà nước nói chung và hoạt động tố tụng hình sự nói riêng.

1.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự

Cơ quan tư pháp là những cơ quan thực hiện nhiệm vụ xét xử (Toà án) và những cơ quan nhà nước thực hiện chức năng công tố, buộc tội, đảm bảo cho việc xét xử. Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng, Cơ quan điều tra không phải hoàn toàn là cơ quan tư pháp mà chỉ là cơ quan hành chính tư pháp để giúp cơ quan công tố thực hiện quyền công tố (buộc tội) trước Toà án. Lý do đưa ra quan điểm này ở chỗ: Cơ quan điều tra được đặt ở cơ quan chấp hành trực thuộc Chính phủ, hoạt động theo Luật tổ chức Chính phủ. Mặt khác, trong số những người làm việc trong Cơ quan điều tra, thì trách nhiệm chính thuộc về những người đại diện cơ quan này là Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra.

Nhiệm vụ của Cơ quan điều tra nói chung nằm trong nhiệm vụ của Luật tố tụng hình sự được quy định tại Điều 1 Bộ luật TTHS là: "…*phát hiện chính xác, nhanh chóng, xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội"*. Nhiệm vụ cụ thể của Cơ quan điều tra nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng, được quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 như sau: *" Tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để*

xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa".

Đối với Cơ quan CSĐT, thẩm quyền điều tra được xác định tại Điều 11 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004:

"1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án nhân dân cấp huyện, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân.

2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Khoản 1điều này khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án nhân dân cấp tỉnh hoặc các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra."

Để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Cơ quan CSĐT có các quyền hạn sau:

Thứ nhất, Cơ quan CSĐT có quyền khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can: Khi có tin báo, tin tố giác về tội phạm, Cơ quan CSĐT tiến hành kiểm tra xác minh xem tin báo, tố giác về tội phạm đó có hay không có dấu hiệu của tội phạm để ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Khi đã có đủ tài liệu chứng cứ xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan CSĐT ra quyết định khởi tố bị can.

Thứ hai, Cơ quan CSĐT có quyền tiến hành điều tra vụ án hình sự theo quy định của pháp luật cụ thể:

Cơ quan CSĐT có thẩm quyền điều tra tất cả các vụ án về các tội phạm được quy định từ chương XII đến chương XXII của BLHS, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân. Khi xác định được những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của mình thì Cơ quan CSĐT tiến hành áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật để phát hiện và thu thập tài liệu chứng cứ nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội như: hỏi cung bị can; lấy lời khai người làm chứng, người bị hại; khám nghiệm tử thi, khám nghiệm hiện trường; đối chất; nhận dạng; thực nghiệm điều tra; trưng cầu giám định…

Thứ ba, Cơ quan CSĐT có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, khi cần thiết Cơ quan CSĐT có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng như: các biện pháp ngăn chặn (bắt, tạm giữ, tạm giam…); các biện chế để đảm bảo thu thập chứng cứ (xem xét dấu vết trên thân thể, khám xét…); các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo hoạt động tố tụng hình sự được tiến hành bình thường (áp giải, dẫn giải…); các biện pháp để đảm bảo thi hành án (kê biên tài sản,…) và một số biện pháp khác.

Thứ tư, Cơ quan CSĐT có quyền ra quyết định tạm định chỉ điều tra, làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra.

Đối với trường hợp tạm đình chỉ điều tra:

Tạm đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra tạm ngừng việc tiến hành điều tra đối với cả vụ án hoặc đối với một bị can khi có những căn cứ nhất định theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 160 BLTTHS, trong quá trình điều tra vụ án hình sự, Cơ quan CSĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra nếu có một trong những căn cứ sau đây:

- Khi bị can bị mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y;

- Khi chưa xác định được bi can hoặc không rõ bị can ở đâu;

- Chưa có kết luận giám định khi hết thời hạn điều tra.

Trong trường hợp, vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ tra không liên quan đến tất cả các bị can thì có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can.

Đối với trường hợp làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố:

Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, khi có đủ chứng cứ để chwngs minh tội phạm và bị can thì Cơ quan CSĐT phải làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố.

Trong trường hợp này, bản kết luận điều tra phải trình bày diễn biến hành vi phạm tội, nêu rõ các chứng cứ chứng minh tội phạm, những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án cùng lý do và căn cứ đề nghị truy tố… kèm theo bản kết luận điều tra hồ sơ gửi sang Viện kiểm sát cùng cấp còn có:

- Bản kê về thời hạn điều tra;

- Bản kê về thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn đã áp dụng, trong đó có ghi rõ thời gian tạm giữ, tạm giam;

- Bản kê vật chứng, biện pháp đảm bảo việc phạt tiền, bồi thường thiệt hại và tịch thu tài sản (nếu có);

- Việc kiện dân sự.

Trong thời hạn hai ngày kể từ ngày ra bản kết luận điều tra Cơ quan CSĐT phải gửi bản kết luận điều tra đề nghị truy tố cùng hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp, cho bị can và người bào chữa (nếu có).

Đối với trường hợp đình chỉ điều tra:

Đình chỉ điều tra là ngừng hẳn việc tiến hành điều tra đối với vụ án hình sự hoặc đối với bị can khi có những căn cứ theo quy định của pháp luật.

Điều 164 Bộ luật TTHS quy định, trong quá trình điều tra vụ án hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây, Cơ quan CSĐT ra quyết định đình chỉ điều tra, cụ thể:

- Có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 (khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại), và Điều 107 (những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự) của Bộ luật TTHS hoặc tại Điều 19 (tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội), Điều 25 (miễn trách nhiệm hình sự) và khoản 2 Điều 69 (nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội) của BLHS;

- Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

Trong trường hợp đình chỉ điều tra, bản kết luận điều tra nêu rõ qúa trình điều tra, lý do căn cứ đình chỉ. Nếu vụ án có nhiều bị can mà căn cứ để đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả bị can thì có thể đình chỉ đối với từng bị can.

Như vậy, trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình tùy từng trường hợp Cơ quan CSĐT có thể ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc tạm đình chỉ điều tra. Khi có lý do để huỷ bỏ quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra Cơ quan CSĐT ra quyết định phục hồi điều tra.

Từ những phân tích đã trình bày như trên về vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan CSĐT có thể đi đến khái niệm về Cơ quan CSĐT như sau:

Cơ quan CSĐT là Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân được giao tiến hành các hoạt động điều tra nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội trong lĩnh vực trật tự an toàn xã hội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố người phạm tội trước pháp luật, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp ngăn ngừa.

1.2. Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở nước ta

Cơ quan CSĐT là bộ phận cấu thành nên hệ thống Cơ quan điều tra trong CAND. Vì vậy, nghiên cứu qúa trình hình thành và phát triển của Cơ quan CSĐT phải được đặt trong việc nghiên cứu sự hình thành và phát triển của hệ thống Cơ quan điều tra trong CAND. Lịch sử hình thành và phát triển của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng gắn liền với sự ra đời và phát triển của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Từ khi thành lập tổ chức điều tra theo tố tụng hình sự đầu tiên - Tư pháp Công an (theo Sắc lệnh số 131/Sl ngày 20/7/1946)- đến nay, Cơ quan điều tra theo tố tụng hình sự đã có nhiều thay đổi, hoàn chỉnh dần để phù hợp với tình hình của từng thời kì cách mạng.

Ở giai đoạn (1946 - 1953), chỉ có trưởng ty, trưởng phòng, trưởng ban chính trị, tư pháp, hoặc trưởng ban khác được Bộ Nội vụ chỉ định mới được công nhận là uỷ viên tư pháp Công an, có quyền điều tra các vụ phạm pháp, "thu thập tang chứng, bắt người phạm pháp" giao cho Toà xét xử. Việc chỉ đạo, kiểm soát "tổ chức và hoạt động tư pháp Công an" thuộc thẩm quyền của các Chưởng lý, Biện lý (sau này là Công tố, Kiểm sát) ở ngành Toà án. Thời kì này tổ chức tư pháp Công an không có tính độc lập mà bị phụ thuộc, chi phối của ngành Toà án.

Ngày 16/2/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh số 141/SL đổi Nha Công an Việt Nam thành Thứ Bộ Công an. Sắc lệnh này quy định tổ chức bộ máy của Thứ Bộ Công an gồm có: Văn phòng, Vụ bảo vệ chính trị, Vụ Trị an hành chính, Vụ Chấp pháp, Cục Cảnh vệ, Phòng Nhân sự, Trường Công an. Vụ Chấp pháp có nhiệm vụ điều tra, lập hồ sơ đề nghị truy tố các vụ phạm tội phản cách mạng và hình sự khác; quản trị các trại giam. Ở Ty Công an tỉnh có ban chấp pháp, ở Công an liên khu có phòng chấp pháp.

Việc thành lập cơ quan chấp pháp là một sự kiện quan trọng về tổ chức của ngành Công an kể từ sau Cách mạng Tháng tám và từ khi thành lập Việt Nam Công an vụ (21/2/1946). Lần đầu tiên trong ngành Công an có cơ quan

chuyên trách làm nhiệm vụ điều tra công khai (theo tố tụng hình sự), hỏi cung, lập hồ sơ đề nghị truy tố xét xử.

Năm 1959, Bộ Công an thành lập lại Vụ Chấp pháp, với chức năng chuyên trách điều tra công khai theo tố tụng hình sự, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, hỏi cung, đặc tình trại giam, lập hồ sơ đề nghị xét xử; lập hồ sơ, làm bản báo cáo tổng quát điều tra vụ án, gửi hồ sơ, tang vật sang Toà án.

Ngày 26 tháng 7 năm 1960, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ký lệnh số 20 công bố Luật số 19 ngày 15/7/1960 về tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Thông tư liên ngành số 427 ngày 28/6/1963 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an quy định phân công điều tra giữa Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan Công an. Mặc dù có sự phân công cụ thể, nhng thực tế qua sơ kết việc thực hiện Thông tư số 427 trong những năm 60, 70 cho thấy việc điều tra các loại tội phạm phức tạp nghiêm trọng hoặc tương đối rõ, đơn giản vẫn do cơ quan Công an thực hiện, còn nói chung Viện kiểm sát chỉ làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra. Về tổ chức, cuối những năm 80, Viện kiểm sát nhân dân tối cao mới thành lập Vụ điều tra thẩm cứu.

Ngày 22/2/1973, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 32/CP sửa đổi tổ chức bộ máy Công an. Căn cứ đó, Bộ Công an quyết định công tác hỏi cung, lập hồ sơ truy tố các loại tội phạm hình sự (về trị an xã hội), giao cho Cục Cảnh sát hình sự đảm nhiệm.

Theo Nghị định 250/CP, tháng 6 năm 1981 Cục Chấp pháp chia thành hai cục: Cục An ninh điều tra xét hỏi thụ lý điều tra xét hỏi các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia và Cục Cảnh sát điều tra xét hỏi các loại tội phạm hình sự khác (TTATXH). Các đơn vị trinh sát hình sự, kinh tế không làm công tác điều tra xét hỏi mà chỉ chuyên trách công tác trinh sát bí mật, phục vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Ngày 28/6/1988, Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua Bộ luật tố tụng hình sự, có hiệu lực từ ngày 1/1/1989; ngày 4/4/1989, Uỷ ban thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, có hiệu lực

thi hành từ ngày 17/4/1989. Theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, hệ thống cơ quan điều tra ở nước ta gồm:

- Cơ quan điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân
- Cơ quan điều tra của lực lượng An ninh nhân dân
- Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân
- Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân

Sau khi nhà nước ban hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đã ra Chỉ thị số 11/CT-BNV(V11) ngày 09/5/1989 về việc tổ chức điều tra tội phạm trong tình hình mới. Theo đó, lực lượng CSND đã triển khai hệ thống Cơ quan CSĐT ở Bộ, ở Công an cấp tỉnh và Công an cấp huyện, cụ thể như sau:

- Ở Bộ có cục CSĐT, sau đổi là Cơ quan CSĐT Bộ Công an
- Ở Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có phòng CSĐT, sau đổi là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh, thành phố.

- Ở Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có đội CSĐT.

1.3. Tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo pháp luật tố tụng hình sự hiện hành

1.3.1. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành

Ngày 22/9/2004, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Chỉ thị số 13/2004/CT - BCA (V11) hướng dẫn về việc tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong lực lượng Công an nhân dân và Pháp lệnh sửa đổi Điều 9 Pháp lệnh lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004. Theo đó, tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT các cấp trong Công an nhân dân, cụ thể như sau:

- *Cơ quan CSĐT Bộ Công an gồm có:*

+ Cục CSĐT tội phạm về trật tự xã hội bao gồm tổ chức trước đây của Cục Cảnh sát hình sự và các phòng điều tra tội phạm về trật tự xã hội (Phòng hư-

ớng dẫn và điều tra án hình sự; Phòng hướng dẫn và điều tra án giao thông) từ Cục Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Cục CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ bao gồm tổ chức trước đây của Cục Cảnh sát kinh tế và các phòng điều tra tội phạm về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu (Phòng hướng dẫn và điều tra án tham nhũng, buôn lậu; Phòng hướng dẫn và điều tra án kinh tế khác) từ Cục Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Cục CSĐT tội phạm về ma tuý bao gồm tổ chức trước đây của Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma tuý và Phòng điều tra tội phạm về ma tuý (Phòng hướng dẫn và điều tra án ma tuý) từ Cục Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Văn phòng Cơ quan CSĐT bao gồm tổ chức còn lại của Cục Cảnh sát điều tra trước đây (gồm Phòng tham mưu tổng hợp, Phòng thanh tra pháp luật, Phòng hướng dẫn tạm giam, tạm giữ...).

+ Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm có:

+ Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội bao gồm tổ chức trước đây của Phòng Cảnh sát hình sự và các đội (hoặc tổ) điều tra tội phạm về trật tự xã hội từ Phòng Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ bao gồm tổ chức trước đây của Phòng Cảnh sát kinh tế và các đội (hoặc tổ) điều tra tội phạm về kinh tế, tham nhũng từ Phòng Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý bao gồm tổ chức trước đây của Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma tuý và đội (hoặc tổ) điều tra tội phạm về ma tuý từ Phòng Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra bao gồm tổ chức còn lại của Phòng Cảnh sát điều tra.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm có:

+ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội bao gồm tổ chức trước đây của đội (hoặc tổ) Cảnh sát hình sự và tổ (hoặc nhóm) Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội từ Đội Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ bao gồm tổ chức trước đây của đội (hoặc tổ) Cảnh sát kinh tế và tổ (hoặc nhóm) điều tra tội phạm về kinh tế, tham nhũng từ Đội Cảnh sát điều tra chuyển sang.

+ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý bao gồm tổ chức trước đây của đội (hoặc tổ) Cảnh sát phòng, chống tội phạm về ma tuý và tổ (hoặc nhóm) điều tra tội phạm về ma tuý từ Đội Cảnh sát điều tra chuyển sang. Căn cứ vào tình hình cụ thể của mỗi địa phương, Giám đốc Công an tỉnh quyết định thành lập một đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý thuộc cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện hoặc một tổ thuộc đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội.

+ Đội Điều tra tổng hợp gồm tổ chức còn lại của Đội Cảnh sát điều tra trước đây.

1.3.2. Hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự

a) Trong việc tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm và khởi tố vụ án hình sự.

Việc phát hiện, tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm là hoạt động điều tra ban đầu của quá trình tố tụng. Hoạt động này có ý nghĩa rất quan trọng, bảo đảm thực hiện nguyên tắc mọi tội phạm xảy ra đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Tố giác về tội phạm được hiểu là sự tố cáo của công dân về những hành vi nào đó mà họ cho rằng đó là tội phạm [25, tr 246]. Pháp luật cho phép công dân có thể tố cáo về tội phạm với bất cứ cơ quan, tổ chức nào họ thấy là thuận

tiện, không nhất thiết phải là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án. Trong tất cả trường hợp đó, sự tố cáo của công dân về tội phạm đều được coi là tố giác. Tố giác có thể bằng miệng, có thể trực tiếp hoặc qua thư, điện thoại hoặc bằng văn bản.

Tin báo về tội phạm được hiểu là thông tin, thông báo, báo cáo của các cơ quan, tổ chức với cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án về những hành vi, vụ việc đã xảy ra mà họ cho là tội phạm [25, tr 247]. Tin báo các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội có thể do chính các cơ quan, tổ chức trực tiếp phát hiện hoặc do quần chúng nhân dân cung cấp. Tin báo về tội phạm cũng có thể được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng mà cơ quan có thẩm quyền phải xem xét giải quyết. Tin báo của các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội về tội phạm xảy ra tại cơ quan, tổ chức của mình, đây cũng là loại tin tương đối phổ biến hiện nay, loại tin này thường giúp các cơ quan có thẩm quyền làm cơ sở để xác định căn cứ khởi tố vụ án hình sự.

Theo pháp luật nước ta thì việc phát hiện và tố giác tội phạm là trách nhiệm chung của mọi cơ quan nhà nước, mọi tổ chức xã hội và của mọi công dân, cơ quan chuyên trách có chức năng, nhiệm vụ trực tiếp giải quyết là Cơ quan điều tra. Điều 103 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định nhiệm vụ giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm như sau: "*Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự…* ".

Theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành thì trách nhiệm của Cơ quan CSĐT là:

Tổ chức tiếp nhận tố giác và tin báo về tội phạm của công dân hoặc của các tổ chức chuyển đến trụ sở; việc nhận tin phải theo đúng các thủ tục quy định như: vào sổ theo biểu mẫu, phân loại tin và tổ chức việc xác minh nguồn tin theo thẩm quyền điều tra của mình (*đối với những tin không thuộc thẩm quyền thì phải chuyển cho các cơ quan khác có trách nhiệm giải quyết*).

Trong thời hạn quy định là 20 ngày (*đối với vụ phức tạp là 2 tháng*), Cơ quan CSĐT phải có quyết định khởi tố hay quyết định không khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Điều 104 Bộ luật TTHS.

Trong quá trình tiếp nhận tin báo, tin tố giác về tội phạm Cơ quan CSĐT phải thông báo tình hình tiếp nhận và giải quyết tin báo về tội phạm cho Viện kiểm sát hàng ngày (*đối với cấp huyện*), hàng tháng (*đối với cấp tỉnh*) và hàng quý (*đối với cấp trung ương qua phiên họp liên ngành*). Đồng thời, phải thực hiện các yêu cầu giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà viện kiểm sát đã tiếp nhận và chuyển đến Cơ quan CSĐT có thẩm quyền.

Như vậy, trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm Cơ quan CSĐT có trách nhiệm tiếp nhận và bảo đảm việc xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Các hoạt động của Cơ quan CSĐT trong việc bảo đảm thủ tục tiếp nhận, phân loại tin, tiến hành các biện pháp xác minh tính xác thực của nội dung tin để ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự được đặt dưới sự kiểm sát của Viện kiểm sát.

Về khởi tố vụ án hình sự, đây là giai đoạn mở đầu của quá trình tố tụng hình sự, đó là việc cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận các nguồn tin về tội phạm, kiểm tra, xác minh các nguồn tin ấy nhằm xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm, trên cơ sở đó ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự theo đúng trình tự mà Bộ luật TTHS quy định.

Sau khi tiếp nhận các nguồn tin báo về tội phạm Cơ quan CSĐT phải tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu ban đầu về nguồn tin báo tội phạm. Khi kiểm tra, xác minh các nguồn tin về tội phạm Cơ quan CSĐT cần tập trung xác định rõ những vấn đề sau:

- Có sự việc xảy ra như tố giác, tin báo hay không. Nội dung này yêu cầu phải thu thập các thông tin, tài liệu để xác định sự việc xảy ra trong tin báo có tồn tại trên thực tế hay không;

- Sự việc đó có hay không có dấu hiệu của tội phạm. Nội dung này yêu cầu Cơ quan CSĐT phải thu thập các thông tin, tài liệu để xác định sự việc xảy ra xâm phạm đến khách thể nào được luật hình sự bảo vệ, có phải do con người gây ra hay không; hậu quả tác hại cho xã hội… Trong giai đoạn này, Cơ quan CSĐT chú trọng làm rõ sự việc, vì vậy cần chú trọng các yếu tố khách quan của sự việc xảy ra. Để đảm bảo quyết định khởi tố vụ án hình sự có căn cứ cần sơ bộ xác định các dấu hiệu đặc trưng trong cấu thành tội phạm cơ bản được quy định trong BLHS.

Sau khi kiểm tra, xác minh nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan CSĐT phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ thời gian, căn cứ khởi tố, Điều khoản BLHS được áp dụng. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động điều tra vụ án hình sự và các biện pháp cần thiết khác phục vụ cho việc giải quyết vụ án hình sự. Trường hợp, nếu phát hiện không có dấu hiệu tội phạm và có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 107 Bộ luật TTHS thì Cơ quan CSĐT phải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự là văn bản tố tụng hình sự của cơ quan có thẩm quyền quyết định không giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự đối với sự việc đã xảy ra.

Để việc khởi tố theo đúng quy định của Bộ luật TTHS thì Cơ quan CSĐT phải tiến hành kiểm tra, xác minh các tài liệu, chứng cứ về tội phạm đã xảy ra trên thực tế. Đồng thời, phải hiểu rõ các cấu thành tội phạm trong lý luận của luật hình sự, những tội phạm đã quy định trong BLHS và những quy định của Bộ luật TTHS về những trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại (*Điều 105*), những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự (*Điều 107*). Nếu hành vi đã được thực hiện không cấu thành tội phạm hoặc chỉ là vi phạm hành chính mà Cơ quan CSĐT lại tiến hành khởi tố và giải quyết bằng trình tự tố tụng hình sự sẽ dẫn đến làm oan và gây thiệt hại cho người bị khởi

tố. Do vậy, trường hợp này Viện kiểm sát phải kịp thời ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố của Cơ quan CSĐT.

Nếu hành vi đã được thực hiện là tội phạm nhưng Cơ quan CSĐT lại tiến hành xử lý vi phạm hành chính hoặc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là bỏ lọt tội phạm. Trường hợp này, Viện kiểm sát phải ra quyết định huỷ bỏ các quyết định trái pháp luật của Cơ quan CSĐT, đồng thời ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, yêu cầu Cơ quan CSĐT tiến hành điều tra theo trình tự, thủ tục mà Bộ luật TTHS đã quy định.

b) Trong hoạt động điều tra vụ án hình sự

Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự, trong đó Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp do Luật tố tụng hình sự quy định như: hỏi cung bị can, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra... để xác định tội phạm, người thực hiện các hành vi phạm tội và các tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án hình sự, tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội để yêu cầu các cơ quan, tổ chức và cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp ngăn ngừa.

Giai đoạn điều tra vụ án hình sự bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, kết thúc khi Cơ quan điều tra hoàn thành bản kết luận điều tra đề nghị truy tố người phạm tội ra trước pháp luật hoặc quyết định đình chỉ điều tra đối với vụ án hình sự.

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Cơ quan CSĐT tiến hành áp dụng các biện pháp điều tra theo luật định nhằm xác định sự thật vụ án hình sự thông qua các biện pháp thu thập chứng cứ nhằm chứng minh tội phạm; xác định chính xác tội danh mà người phạm tội đã thực hiện với các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, làm cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự, xác định trách nhiệm bồi thường và những biện pháp đảm bảo bồi thường do người phạm tội gây nên và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện phạm tội.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Cơ quan CSĐT được áp dụng các biện pháp tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật. Ở đây, chúng tôi xin nêu một số quy định cụ thể:

** Trong việc khởi tố bị can*

Khởi tố bị can là việc cơ quan có thẩm quyền quyết định khởi tố về hình sự một người đã thực hành vi phạm tội để tiến hành điều tra xử lý người đó theo đúng quy định của pháp luât.

Điều 126 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định: "*Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can*".

Khởi tố bị can không phải là một biện pháp điều tra thu thập chứng cứ, mà quyết định khởi tố bị can là cơ sở pháp lý cho các hoạt động điều tra xử lý đối với người phạm tội theo đúng quy định của pháp luật. Đây là cơ sơ pháp lý cho các hoạt động tố tụng hình sự như áp dụng các biện pháp ngăn chặn các biện pháp cưỡng chế khác và các biện pháp điều tra đối với một người.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Bộ luật TTHS thì để ra quyết định khởi tố bị can đối với một người cơ quan có thẩm quyền phải thu thập đầy đủ căn cứ xác định họ đã thực hiện hành vi phạm tội, tức là phải có các tài liệu chứng cứ để khẳng định một người đã thực hiện hành vi có đủ yếu tố cấu thành một tội phạm được quy định trong BLHS. Tài liệu chứng cứ có thể là: Vật chứng; lời khai của người làm chứng , người bị hại…; kết luận giám định và biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi…

Khởi tố bị can là khởi tố hình sự về một con người phạm tội cụ thể, nếu trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT thấy tội danh trong quyết định khởi tố bị can không chính xác hoặc không đầy đủ thì Cơ quan CSĐT có thể thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Trong mọi trường hợp, quyết định khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp để Viện kiểm sát phê chuẩn việc khởi tố. Trách nhiệm của kiểm sát viên

là phải kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố và việc giao quyết định khởi tố bị can theo quy định tại Điều 126 Bộ luật TTHS.

Nếu xét thấy quyết định khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT chưa đủ căn cứ thì tuỳ trường hợp, kiểm sát viên có thể yêu cầu điều tra bổ sung hoặc kiến nghị lãnh đạo có thẩm quyền xem xét quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố của Cơ quan CSĐT.

** Đối với hoạt động hỏi cung bị can.*

Đây là biện pháp điều tra công khai, trực diện đối với bị can nhằm phát hiện, thu thập và củng cố chứng cứ, làm rõ hành vi phạm tội của bị can và đồng bọn. Thực tiễn cho thấy, không có vụ án hình sự nào mà quá trình điều tra lại không có hoạt động hỏi cung bị can; việc hỏi cung bị can không chỉ nhằm củng cố chứng cứ đã thu thập được mà còn để khai thác, thu thập những chứng cứ khác có ý nghĩa chứng minh cho toàn bộ vụ án.

Sau khi có quyết định khởi tố bị can thì Cơ quan CSĐT phải tiến hành hỏi cung bị can ngay. Việc hỏi cung bị can có thể tiến hành tại Cơ quan CSĐT trụ sở UBND xã, phường hoặc tại nhà ở, nơi làm việc của bị can hoặc tại nơi xảy ra tội phạm. Hỏi cung tại nhà ở khi cần thiết phải hỏi cung ngay sau khi bắt, khám xét để thực hiện kế hoạch điều tra như truy bắt đồng bọn, khám xét thu hồi vật chứng, để thực nghiệm điều tra.

** Đối với hoạt động lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.*

Đây là biện pháp điều tra bằng cách triệu tập và hỏi những người này về các tình tiết có liên quan đến vụ án nhằm làm rõ sự thật của vụ án. Mục đích lấy lời khai người làm chứng nhằm thu thập tài liệu chứng cứ, làm sáng tỏ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự phục vụ cho công tác điều tra, xử lý tội phạm.

Việc lấy lời khai của người làm chứng được quy định tại các Điều 133, 134 và 135 Bộ luật TTHS, theo đó Cơ quan CSĐT khi lấy lời khai người làm

chứng phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc lấy lời khai của người làm chứng được tiến hành tại Cơ quan điều tra hoặc nơi cư trú, nơi làm việc của người đó. Trước khi lấy lời khai của người làm chứng phải triệu tập người làm chứng. Trường hợp người làm chứng đã được Cơ quan CSĐT triệu tập nhưng cố ý không đến mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây cản trở cho việc điều tra thì Cơ quan CSĐT đã triệu tập người làm chứng có thể ra quyết định dẫn giải người làm chứng. Trong trường hợp cần thiết khi có nghi ngờ về khả năng nhận thức và khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án thì Cơ quan CSĐT có thể trưng cầu giám định về tình trạng thể chất hoặc tâm thần của người làm chứng.

** Đối với việc khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, đồ vật.*

Đây là hoạt động điều tra nhằm tìm kiếm dấu vết của tội phạm, vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án hoặc để phát hiện người đang bị truy nã. Theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 khám xét gồm: khám người, khám chỗ ở, địa điểm, khám thư tín điện tín, bưu kiện bưu phẩm.

Khi tiến hành khám xét sẽ đụng chạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đến thân thể, danh dự, uy tín, việc đảm bảo bí mật thư tín, điện thoại, điện tín… của công dân, chính vì vậy hoạt động khám xét phải hết sức thận trọng, phải tuân theo những quy định của Bộ luật TTHS.

** Đối với việc khám nghiệm hiện trường*

Hoạt động khám nghiệm hiện trường có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự do tính kịp thời và tầm quan trọng của hoạt động này. Nên mặc dù nó được tiến hành trước khi khởi tố, nhưng khám nghiệm hiện trường vẫn coi là hoạt động tố tụng hình sự. Các tài liệu, vật chứng thu được từ khám nghiệm hiện trường là chứng cứ rất quan trọng nhằm xác định phương hướng điều tra, truy tìm thủ phạm cũng như việc chứng minh tội phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Để cùng phối hợp tổ chức khám nghiệm hiện trường đạt kết quả tốt, trách nhiệm của Cơ quan CSĐT là phải thông báo kịp thời và đầy đủ sự việc đã xảy ra cho Viện kiểm sát tham gia ý kiến vào việc chuẩn bị khám nghiệm và chủ động trong công tác kiểm sát việc khám nghiệm.

c) Trong việc tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra, lập hồ sơ đề nghị truy tố

** Tạm đình chỉ điều tra*

Tạm đình chỉ điều tra là một sự kiện pháp lý làm tạm ngừng hoạt động tố tụng hình sự ở giai đoạn điều tra vì những lý do nhất định. Điều 160 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định khi có một trong bốn lý do sau đây thì Cơ quan CSĐT phải ra quyết định tạm đình chỉ điều tra:

+ Khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y;

+ Khi chưa xác định được bị can;

+ Khi không biết rõ bị can đang ở đâu;

+ Trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả giám định.

Trong trường hợp thứ nhất, có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra. Còn trường hợp 2,3,4 thì tạm đình chỉ xảy ra khi đã hết thời hạn điều tra (đối với trường hợp 3, Cơ quan CSĐT phải ra quyết định truy nã bị can trước khi tạm đình chỉ; trường hợp 4 thì tạm đình chỉ điều tra nhưng việc giám định vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả).

Trách nhiệm của Cơ quan CSĐT là phải gửi quyết định tạm đình chỉ điều tra cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho bị can, người bị hại biết.

** Đình chỉ điều tra*

Đình chỉ điều tra là sự kiện pháp lý làm chấm dứt hoạt động tố tụng hình sự đối với từng bị can hoặc vụ án khi có những căn cứ nhất định. Điều 164 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã quy định những trường hợp mà cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra như sau:

+ Khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105, Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hoặc tại các Điều 19, Điều 25, khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự.

+ Khi đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

Để ra quyết định đình chỉ điều tra chính xác, Cơ quan CSĐT phải xem xét kỹ và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và các quy định của pháp luật trước khi xem xét quyết định đình chỉ. Việc đình chỉ không đúng sẽ dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm, chính vì vậy mà luật quy định Cơ quan điều tra phải gửi quyết định đình chỉ cho Viện kiểm sát để Viện kiểm sát tiến hành kiểm sát hoạt động đình chỉ.

Trách nhiệm của kiểm sát viên là phải nghiên cứu và kiểm tra tính có căn cứ trong việc đình chỉ của Cơ quan CSĐT. Nếu thấy việc đình chỉ không đúng thì có trách nhiệm đề xuất với lãnh đạo có thẩm quyền huỷ bỏ quyết định đình chỉ của Cơ quan CSĐT và ra văn bản yêu cầu phục hồi điều tra vụ án.

** Kết thúc điều tra, đề nghị truy tố*

Trong trường hợp đề nghị truy tố, Cơ quan CSĐT phải làm bản kết luận điều tra trình bày diễn biến hành vi phạm tội, nêu rõ các chứng cứ chứng minh tội phạm và những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án và gửi đến Viện kiểm sát cùng cấp.

Trách nhiệm của Viện kiểm sát là phải kiểm sát việc kết thúc điều tra vụ án, nếu bản kết luận điều tra không phản ánh đúng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu Cơ quan CSĐT sửa chữa, bổ sung.

d) Trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là những biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự, do các cơ quan hoặc những người có thẩm quyền được Bộ luật TTHS quy định áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc người chưa bị khởi tố để kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn hành vi trốn tránh pháp luật của họ, ngăn ngừa họ phạm tội mới cũng như không cho họ có

những hành vi cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành án hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn, để tránh những vi phạm, ảnh hưởng đến các quyền cơ bản của công dân, buộc phải có những căn cứ cụ thể. Điều 79 Bộ luật TTHS quy định: " *Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như cần đảm bảo thi hành án; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật này có thể áp dụng một trong những biện pháp ngăn chặn sau đây: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lĩnh hoặc đặt tiền tài sản có giá trị để đảm bảo".*

Theo quy định của Bộ luật TTHS thì những biện pháp ngăn chặn bao gồm: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lĩnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo.

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn ít nhiều làm hạn chế đến các quyền cơ bản của công dân, chính vì vậy Bộ luật TTHS quy định rất chặt chẽ về căn cứ, điều kiện áp dụng và trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp này.

Thứ nhất, đối với việc áp dụng biện pháp bắt người: đây là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự được áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc người chưa bị khởi tố thì áp dụng trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ trốn tránh pháp luật, tạo điều kiện cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Biện pháp bắt người ảnh hưởng trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ, nên khi áp dụng biện pháp này phải hết sức thận trọng. Việc bắt người đúng pháp luật sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội cũng như hành vi trốn tránh pháp luật của người phạm

tội, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Ngược lại việc bắt người không đúng pháp luật sẽ gây tác hại nhiều mặt như xâm phạm các quyền cơ bản của công dân, làm giảm uy tín của Nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thứ hai, đối với việc áp dụng biện pháp tạm giữ: đây là biện pháp ngăn chặn được áp dụng để ngăn chặn và tước quyền tự do trong một thời gian đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội mà họ bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đang bị truy nã, nhằm tạo điều kiện cho cơ quan điều tra xác minh những tài liệu, chứng cứ chứng minh về hành vi phạm tội, căn cước, lai lịch, nhân thân của người bị bắt để quyết định khởi tố hay không khởi tố bị can, trả tự do hay tạm giam người đã bị bắt giữ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Bộ luật TTHS thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT các cấp có quyền ra quyết định tạm giữ. Vì vậy, trong quá trình bắt người trong trường khẩn cấp hoặc khi tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người đang bị truy nã hoặc khi người phạm tội tự thú, đầu thú xét thấy cần thiết thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT ra quyết định tạm giữ bằng văn bản, trong quyết định này phải ghi rõ lý do tạm giữ, thời hạn tạm giữ. Trong thời gian 12 giờ, lệnh tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp để kiểm sát hoạt động tạm giữ của Cơ quan CSĐT. Nếu thấy việc tạm giữ không có căn cứ thì Viện kiểm sát huỷ bỏ lệnh tạm giữ đó và yêu cầu Cơ quan CSĐT trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền gia hạn tạm giữ. Mọi trường hợp gia hạn thời hạn tạm giữ của Cơ quan CSĐT đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Việc quy định như vậy là hoàn toàn cần thiết vì không những nó đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng hình sự mà còn tránh những trường hợp tuỳ tiện hoặc sai sót từ phía Cơ quan CSĐT. Trong thời hạn tạm

giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì Cơ quan CSĐT phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

Thứ ba, đối với việc áp dụng biện pháp tạm giam: đây là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong tố tụng hình sự, có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù trên 2 năm và có căn cứ để cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Bộ luật TTHS thì chỉ áp dụng biện pháp tạm giam trong những trường hợp sau đây:

- Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng;

- Bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù trên 2 năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Để đảm bảo sự khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta, khoản 2 Điều 88 Bộ luật TTHS quy định: Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu bệnh nặng mà có nơi cư rú rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ những trường hợp sau đây:

- Bị can, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã;

- Bị can, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chăn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử;

- Bị can, bi cáo phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ để cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 88 Bộ luật TTHS, trong Cơ quan CSĐT người có thẩm quyền ra lệnh tạm giam là Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Trong trường hợp này lệnh tạm giam của Thủ trưởng, Phó

thủ trưởng Cơ quan CSĐT phải được sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

Thứ tư, đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chăn khác, như: cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lĩnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm: các biện pháp này thể hiện chính sách nhân đạo, tính giáo dục và phòng ngừa của pháp luật đối với những người phạm tội trong giai đoạn giải quyết vụ án. Việc áp dụng các biện pháp này còn nhằm giảm bớt số người bị tạm giam, tạm giữ trong các trại tạm giam, nhà tạm giữ hiện nay, nhưng vẫn đảm bảo cho việc điều tra, truy tố, xét xử được thuận lợi. Trong phạm vi chức năng của mình, Viện kiểm sát phải xem xét lý do, căn cứ mà Cơ quan CSĐT đã áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói trên.

1.4. Một số quy định của pháp luật tố tụng nước ngoài về Cơ quan điều tra

1.4.1. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Ở Hoa Kỳ, ngoài hệ thống pháp luật chung, mỗi bang đều có Bộ luật hình sự, các văn bản pháp luật quy định về cơ quan thi hành pháp luật, cơ quan truy tố và hệ thống Toà án riêng. Tất cả các bang đều được chia thành quận và hạt. Hầu hết các vụ việc hình sự đều do các cơ quan truy tố cấp này tiến hành. Theo luật pháp liên bang, Cơ quan điều tra là cơ quan duy nhất có trách nhiệm tiến hành điều tra hình sự bao gồm: thu thập các thông tin và chứng cứ. Các cơ quan này bao gồm: Cục điều tra liên bang (FBI) có thẩm quyền điều tra rất rộng, từ các tội phản quốc, hoạt động gián điệp, khủng bố, buôn lậu ma tuý, vũ khí, tội phạm có tổ chức (mafia) và các tội phạm nghiêm trọng khác, như sát hại nhân viên nhà nước, lừa đảo tài chính…; Cục phòng chống và bài trừ ma tuý (DEA) có trách nhiệm điều tra và thi hành các luật về ma tuý; Cục phụ trách về rượu, vũ khí và thuốc lá (ATF) có thẩm quyền điều tra và thi hành các quy định của liên bang về vũ khí và các vụ việc đốt nhà hoặc đánh bom không mang tính chất khủng bố. Ngoài các cơ quan nêu trên, ở Hoa Kỳ còn có Cục tình báo thuộc Bộ tài chính là cơ quan có thẩm quyền điều tra đối với những vụ việc lừa đảo tài chính nghiêm

trọng, biển thủ công quỹ, làm tiền giả; tuy nhiên, cơ quan này chỉ hoạt động trong một phạm vi nhất định (tương tự như cơ quan Hải Quan).

Hầu hết các cơ quan công tố của Hoa Kỳ không bố trí điều tra viên hình sự trong văn phòng của mình. Ở văn phòng công tố tại các đô thị lớn, công tố viên được sử dụng thanh tra cảnh sát của riêng mình để tiến hành điều tra. Một số bang có cảnh sát bang hoặc cơ quan điều tra thì các cơ quan này có thẩm quyền điều tra các vụ việc trong toàn bang hoặc đối với tội phạm nghiêm trọng.

1.4.2. Vương quốc Anh

Cơ quan điều tra của Vương quốc Anh được tổ chức gồm nhiều lực lượng, trong đó mỗi lực lượng đều có thẩm quyền điều tra riêng theo quy định của pháp luật; những cơ quan đó bao gồm:

- Lực lượng Cảnh sát Bộ Quốc phòng (còn gọi là quân cảnh);
- Lực lượng Cảnh sát dân sự;
- Lực lượng Cảnh sát vận tải;
- Lực lượng Cảnh sát Bộ nội vụ;
- Cơ quan hải quan, thuế vụ;
- Văn phòng chống tội phạm lừa đảo nghiêm trọng.

Các lực lượng cảnh sát riêng biệt có trách nhiệm điều tra, xử lý tội phạm địa phương, khu vực và phòng chống tội phạm. Cảnh sát Bộ Quốc phòng là lực lượng có trách nhiệm cụ thể đối với an ninh và hoạt động cảnh sát của Bộ quốc phòng; Cảnh sát dân sự có chức năng điều tra, xử lý các tội phạm nghiêm trọng qua biên giới; được tổ chức thành 5 đội cảnh sát hình sự khu vực theo mô hình tự quản; Cảnh sát vận tải chịu trách nhiệm phòng ngừa và điều tra các loại tội phạm trên các tuyến đường sắt và các hệ thống ngầm; các đơn vị Cảnh sát Bộ nội vụ là một lực lượng nhỏ có trách nhiệm bảo vệ các yếu nhân, đảm bảo an ninh ở những nơi công cộng như bến cảng, công viên,…

Ở Vương quốc Anh, mỗi lực lượng cảnh sát có Tổng trưởng Cảnh sát quản lý và chịu trách nhiệm về hoạt động của lực lượng mình; Quốc vụ khanh của Bộ

nội vụ giám sát hoạt động của cảnh sát, nhưng không phải là cấp trên vì ở Anh, lực lượng cảnh sát điều tra hoạt động độc lập chỉ tuân theo pháp luật.

Bên cạnh các lực lượng điều tra của Cảnh sát, cơ quan Hải quan cũng được quyền tiến hành khởi tố và điều tra vụ án; đó là những vụ án có liên quan đến gian lận, trốn thuế...

1.4.3. Cộng hoà Pháp

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự nước Cộng hoà Pháp, những cơ quan và nhân viên có quyền thực hiện các hoạt động điều tra bao gồm:

- Sĩ quan Cảnh sát tư pháp;
- Viện trưởng Viện công tố;
- Dự thẩm viên;
- Dự thẩm viên của Toà án phúc thẩm.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Pháp, Cảnh sát tư pháp có nhiệm vụ xác định các hành vi vi phạm pháp luật hình sự, thu thập chứng cứ và truy bắt tội phạm trước khi Toà án quyết định tiến hành điều tra. Theo đó, Cảnh sát tư pháp của Pháp chỉ có quyền tiến hành điều tra sơ bộ chứ không có quyền tiến hành điều tra chính thức. Chỉ khi Toà hình sự ra quyết định tiến hành điều tra thì Cảnh sát tư pháp mới có quyền thực hiện những yêu cầu và uỷ thác của cơ quan điều tra của Toà hình sự. Cảnh sát tư pháp chỉ thực thi các quyền hạn như: nhận đơn khiếu nại và tố cáo; tiến hành điều tra sơ bộ theo quy định.

Trong trường khẩn cấp hoặc theo quyết định uỷ thác điều tra của dự thẩm hoặc yêu cầu của Viện trưởng Viện công tố, lực lượng Cảnh sát tư pháp của Cộng hoà Pháp có thể thực hiện nhiệm vụ trên toàn lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành điều tra sơ bộ, sỹ quan Cảnh sát tư pháp và nhân viên Cảnh sát tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của sỹ quan cảnh sát và thuộc quyền giám sát của Viện trưởng Viện công tố. Trường hợp cần thiết phục vụ cho yêu cầu điều tra, sỹ quan Cảnh sát tư pháp có thể tạm giữ những người có dấu

hiệu có thể cho phép suy đoán đã phạm tội chưa đạt nhưng thời hạn tạm giữ là không quá 24h.

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Pháp, dự thẩm viên của toà án cũng là người có thẩm quyền điều tra. Tuy nhiên, hoạt động điều tra của dự thẩm viên chỉ có thể bắt đầu sau khi có văn bản yêu cầu của Viện trưởng Viện công tố hoặc có đơn yêu cầu khởi tố của người bị hại. Trường hợp phạm tội quả tang, nếu dự thẩm chưa thụ lý vụ án thì Viện trưởng Viện công tố có thể ra lệnh bắt và áp giải nghi phạm về trụ sở và lấy cung ngay tại chỗ; nếu dự thẩm có mặt tại hiện trường thì sỹ quan cảnh sát tư pháp phải bàn giao công việc cho dự thẩm. Nếu dự thẩm không thể tự mình tiến hành các hoạt động điều tra thì có thể uỷ thác cho một sỹ quan Cảnh sát tư pháp tiến hành mọi hoạt động điều tra cần thiết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng có trách nhiệm thẩm tra lại các kết quả điều tra của sỹ quan Cảnh sát tư pháp.

1.4.4. Cộng hoà Liên bang Nga

Bộ luật tố tụng hình sự liên bang Nga quy định các cơ quan điều tra của nước này bao gồm:

- Cơ quan công an điều tra;

- Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng;

- Cơ quan an ninh quốc gia điều tra những tội phạm pháp luật quy định thuộc quyền điều tra của cơ quan này;

- Thủ trưởng các đơn vị cải tạo, các khi cách ly điều tra, các cơ sở bắt buộc chữa bệnh và các cơ sở giáo dưỡng;

- Cơ quan cứu hoả (điều tra các tội phạm về hoả hoạn hoặc vi phạm các quy định phòng cháy chữa cháy);

- Cơ quan biên phòng - điều tra các tội phạm xâm phạm biên giới;

- Cơ quan Hải quan liên bang điều tra các tội phạm buôn lậu và các tội vi phạm luật hải quan, trốn thuế;

Ngoài ra, Thuyền trưởng tàu viễn dương cũng có quyền điều tra các tội phạm xảy ra trên tàu…

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự liên bang Nga, hoạt động điều tra ban đầu do dự thẩm viên của Viên kiểm sát, dự thẩm viên của cơ quan Công an và dự thẩm viên của Cơ quan an ninh quốc gia thực hiện. Pháp luật cũng quy định điều tra sơ bộ là hoạt động bắt buộc đối với tất cả các tội phạm, trừ một số ít tội phạm, việc điều tra ban đầu chỉ tiến hành trong trường hợp Toà án hoặc Viện kiểm sát thấy cần thiết. Khi tiến hành điều tra ban đầu, dự thẩm viên độc lập quyết định hướng điều tra và tiến hành hoạt động điều tra, trừ trường hợp pháp luật quy định phải có phê chuẩn của kiểm sát viên và chịu hoàn toàn trách nhiệm nhằm đảm bảo việc điều tra kịp thời và đúng luật.

Ở Cộng hoà Liên bang Nga, Trưởng phòng điều tra thực hiện việc giám sát nhằm đảm bảo hoạt động điều tra, ngăn chặn tội phạm của dự thẩm viên được kịp thời, khách quan, toàn diện. Theo đó, Trưởng phòng điều tra có quyền kiểm tra hồ sơ, cho ý kiến về việc tiến hành điều tra ban đầu, khởi tố bị can, định tội danh hoặc tự mình tiến hành một số hoạt động điều tra với tư cách là một dự thẩm viên. Ý kiến chỉ đạo của thủ trưởng điều tra có hiệu lực bắt buộc đối với dự thẩm viên. Dự thẩm viên có quyền khiếu nại các ý kiến chỉ đạo với kiểm sát viên nhưng vẫn phải chấp hành.

Trong trường hợp vụ án lớn hoặc phức tạp, việc điều tra có thể do một nhóm dự thẩm viên tiến hành. Việc giao vụ án cho một số dự thẩm phải được ghi trong quyết định khởi tố hoặc trong một quyết định riêng.

1.4.5. Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa

Pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa quy định về Cơ quan điều tra của Trung Quốc bao gồm:

- Cơ quan điều tra của Bộ Công an;
- Cơ quan điều tra của Bộ An ninh quốc gia;
- Cơ quan điều tra của an ninh quân đội;
- Tổng cục chống tham ô, hối lộ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Bộ luật tố tụng hình sự nước CHND Trung Hoa quy định rất cụ thể về thẩm quyền và giới hạn điều tra của từng Cơ quan điều tra. Theo đó, các cơ quan Công an và kiểm sát có quyền điều tra các loại tội phạm hình sự trên lãnh thổ Trung Quốc; Cơ quan an ninh quân đội có quyền điều tra các vụ án hình sự xảy ra trong các đơn vị quân đội; Cơ quan an ninh quốc gia điều tra các vụ án hình sự phá hoại an ninh quốc gia.

Ở Trung Quốc, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân là Tổng cục chống tham ô, hối lộ; có chức năng khởi tố và tự mình điều tra hơn 50 loại tội được quy định trong Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc chịu trách nhiệm đưa vụ việc hình sự ra lập hồ sơ điều tra và truy tố đối với các tội: biển thủ và hối lộ, tội thiếu trách nhiệm của nhân viên nhà nước, tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân, tội lợi dụng chức vụ quyền hạn của nhân viên nhà nước để làm trái pháp luật…

Trong quá trình điều tra, nếu Cơ quan điều tra muốn tiến hành bắt giữ người bị tình nghi thì phải được Viện kiểm sát phê chuẩn hoặc Toà án quyết định. Việc tiến hành bắt do lực lượng Công an thực hiện. Cơ quan Công an Trung Quốc, ngoài việc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về điều tra trong Bộ luật TTHS, còn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong hướng dẫn của Bộ Công an về áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về việc bắt người cũng như các biện pháp nghiệp vụ khác.

Qua nghiên cứu mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra một số nước trên thế giới, có thể thấy rằng, tuỳ thuộc vào thể chế chính trị, mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, đặc điểm hệ thống pháp luật và các điều kiện về kinh tế, xã hội v.v... mà Cơ quan điều tra ở những quốc gia khác nhau có cách thức tổ chức và thẩm quyền hoạt động không giống nhau. Ở những nước theo hệ thống pháp luật Châu âu lục địa, Cơ quan điều tra thường được tổ chức theo hệ thống chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Mọi hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra và điều tra viên phải tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự do Nhà nước ban hành. Cơ quan điều tra cấp dưới phải chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn

về nghiệp vụ của cơ quan điều tra cấp trên trong hoạt động điều tra tội phạm. Đối với những nước có hệ thống pháp luật theo kiểu Anh - Mỹ hoặc một số nhà nước liên bang, Cơ quan điều tra của các bang hoặc vùng được tổ chức với tính độc lập tương đối rất cao. Cơ sở pháp lý để các cơ quan này tiến hành hoạt động điều tra chủ yếu dựa trên các văn bản pháp luật do nhà nước địa phương ban hành. Tuy nhiên, họ vẫn phải chấp hành các quy định khác của pháp luật quốc gia hoặc nhà nước liên bang.

Dù được tổ chức theo các mô hình khác nhau, song có thể nhận thấy một điểm chung của Cơ quan điều tra của nhiều nước trên thế giới đó là: Cơ quan điều dù được đặt ở cơ quan nào thuộc bộ máy nhà nước thì cũng có tính độc lập rất cao để cơ quan này có điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình là điều tra, khám phá tội phạm - một hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp. Hoạt động của Cơ quan điều tra luôn bị giám sát, chế ước bởi cơ quan tư pháp khác (ví dụ Viện công tố, Toà án hoặc Viện kiểm sát) để bảo đảm tính khách quan, chính xác trong các hoạt động tố tụng do Cơ quan điều tra tiến hành, nhằm hạn chế oan, sai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ngay cả khi họ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Những đặc điểm nêu trên chúng ta có thể tham khảo, tiếp tục nghiên cứu sâu hơn trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự, tố tụng hình sự ở nước ta trong thời kỳ đổi mới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Với tiêu đề "*nhận thức chung về Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng* ", trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, những quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, luận văn đã trình bày khái quát những vấn đề cơ bản về Cơ quan CSĐT như: khái niệm,vị trí, nhiêm vụ, quyền hạn, lịch sử hình thành và phát triển của Cơ quan CSĐT. Đồng thời, với mục đích nghiên cứu chính của luận văn là làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của Cơ quan CSĐT trong tố tụng hình sự, chương 1 của luận văn tập trung phân tích, trình bày, làm rõ những quy định của pháp luật về hoạt động của Cơ quan CSĐT trong tố tụng hình sự từ tiếp nhận tin báo, khởi tố vụ án hình sự đến điều tra vụ án hình sự, áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự theo quy định của pháp luật. Cụ thể, trong việc tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm, Cơ quan CSĐT phải có trách nhiệm tiếp nhận những tin báo và tố giác đó, kiểm tra, xác minh nguồn tin để ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự; Trong hoạt động điều tra vụ án hình sự, Cơ quan CSĐT có quyền tiến hành các hoạt động điều tra như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lấy lời khai của người làm chứng, hỏi cung bị can… Đồng thời, để phục vụ cho hoạt động điều tra vụ án hình sự, Cơ quan CSĐT có quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn như: bắt bị can, bị cáo để tạm giam; bắt người trong trường hợp khẩn cấp; bảo lĩnh…Bên cạnh đó, để có một cái nhìn tổng quan về Cơ quan CSĐT của Việt Nam, luận văn cũng đã trình bày những quy định của pháp luật một số nước trên thế giới về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra như Cộng hoà liên bang Nga, vương quốc Anh, Cộng hoà Pháp…

Tóm lại, trong chương 1, luận văn tập trung làm sáng tỏ những quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về tổ chức, hoạt động của Cơ quan CSĐT trong tố tụng hình sự.

Chương 2

THỰC TIỄN VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy và cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự (Bộ luật TTHS năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, Pháp lệnh sửa đổi Điều 9 của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Công an) thì Cơ quan CSĐT được tổ chức theo ba cấp (bộ, tỉnh, huyện), cụ thể như sau:

- Cơ quan CSĐT Bộ Công an gồm có: Cục CSĐT tội phạm về trật tự xã hội, Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng, Cục CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục CSĐT tội phạm về ma tuý và Văn phòng Cơ quan CSĐT.

- Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh gồm có: Phòng CSĐT tội phạm về trật tự xã hội, Phòng CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Phòng CSĐT tội phạm về ma tuý và Văn phòng Cơ quan CSĐT.

- Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện gồm có: Đội CSĐT tội phạm về trật tự xã hội, Đội CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Đội CSĐT tội phạm về ma tuý và bộ máy giúp việc Cơ quan CSĐT.

Căn cứ vào quy định về tổ chức của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện và từ thực tế của mỗi huyện, Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể số đội của Cơ quan CSĐT Công an huyện đó.

Như vậy, thực hiện quy định mới của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, hệ thống Cơ quan CSĐT đã bố trí chuyên trách theo từng loại tội phạm; theo đó, Cơ quan CSĐT cấp Bộ được tổ chức thành 5 bộ phận có chức năng chuyên sâu trong từng lĩnh vực, cùng với Văn phòng Cơ quan CSĐT là 4 bộ phận trực tiếp điều tra các nhóm tội phạm: tội phạm về trật tự

xã hội, tội phạm về trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về ma tuý, tội phạm về tham nhũng. Cơ quan CSĐT cấp tỉnh có 4 bộ phận là Văn phòng cơ quan CSĐT, các bộ phận trực tiếp điều tra các nhóm tội phạm là: tội phạm về trật tự xã hội, tội phạm về trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về ma tuý. Riêng ở Cơ quan CSĐT cấp huyện, Bộ Công an giao cho Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ vào tình hình cụ thể công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và biên chế của địa phương để bố trí, sắp xếp các đội điều tra cho phù hợp; tính đến tháng 1/2006 đã có 424 huyện có Đội Cảnh sát điều tra điều tra tội phạm về kinh tế, 339 huyện có Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý.

Việc quy định tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 là bước đổi mới về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng, tạo ra sự gắn kết liên hoàn trong việc thực hiện hoạt động điều tra trinh sát với hoạt động điều tra theo tố tụng, các thông tin về tội phạm được cung cấp kịp thời, công tác điều tra tố tụng đã bổ sung tài tiệu cho công tác trinh sát, tài liệu trinh sát giúp định hướng cho công tác điều tra thu thập chứng cứ, củng cố hồ sơ tố tụng. Mô hình mới khai thác được sức mạnh tại chỗ, phân định rõ nhiệm vụ đấu tranh chuyên sâu với các loại đối tượng tội phạm nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Việc chỉ huy, chỉ đạo, giám sát được tập trung thống nhất không bị gián đoạn như trước đây. Mọi sơ hở thiếu sót trong hồ sơ tố tụng cũng như trinh sát được phát hiện kịp thời và đề ra những biện pháp khắc phục hợp lý. Đây là một thuận lợi căn bản để Cơ quan CSĐT tiến hành các hoạt động điều tra và áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên, theo tiến trình cải cách tư pháp thì tổ chức của Cơ quan CSĐT trong giai đoạn hiện nay cũng cần phải tiếp tục nghiên cứu, xem xét để thay đổi cho phù hợp.

Tại Hội nghị sơ kết một năm thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, ngày 14/4/2006 Lãnh đạo Bộ công an đã chỉ rõ: Qua một năm thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, công tác điều tra đã đạt được

những kết quả bước đầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; việc phối hợp giữa hoạt động điều tra tố tụng với các biện pháp trinh sát nghiệp vụ trong một cơ cấu thống nhất đã phát huy hiệu quả, tạo điều kiện đấu tranh triệt để, khai thác mở rộng vụ án cũng như phát huy được sức mạnh của các lực lượng nghiệp vụ, tập trung đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm. Các hệ lực lượng hình sự, kinh tế, ma tuý đã trở thành bộ phận của Cơ quan CSĐT từ cấp bộ đến cấp tỉnh, cấp huyện. Những kết quả trên chứng tỏ việc thay đổi mô hình tổ chức Cơ quan điều tra là đúng đắn đang phát huy được tác dụng mà rõ nhất là từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo Nghị quyết 08 - NQ/TW và Nghị quyết 49 - NQ/TW của Bộ chính trị.

Về số lượng điều tra viên của Cơ quan CSĐT, theo thống kê đến tháng 10/2004, bao gồm: 9.331 người, trong đó, sơ học nghiệp vụ công an 823 người (8,26%); trung học nghiệp vụ công an 5.048 (51,81%); cao đẳng, đại học nghiệp vụ công an 3424 (31,92%); trên đại học nghiệp vụ công an 16 người (0,013%). Trong số này, đã bổ nhiệm điều tra viên các cấp là 8.280 người (81%), trong đó: điều tra viên cao cấp 434 người (4,24%), trình độ trên đại học 20 người (trên đại học nghiệp vụ công an 16 người), đại học 414 người; điều tra viên trung cấp 3.232 người (32%), trình độ đại học 2.663 người, trung học 569 người; điều tra viên sơ cấp 4.614 người (54%), trình độ đại học 1.172 người , trung học 2.474 người, sơ học 968 người. Chưa được bổ nhiệm điều tra viên là 1.041 người (19%), trình độ đại học 155 người, trình độ trung học 236 người, sơ học 650 người. Số cán bộ chưa có trình độ đại học an ninh, cảnh sát hoặc đại học luật là 5.606 người.

Tính đến tháng 1/2006, Lực lượng Cảnh sát điều tra toàn quốc hiện có 24.454 cán bộ, chiến sỹ, trong đó có 10.140 điều tra viên (*cấp Bộ có 198 điều tra viên, cấp tỉnh có 3.059 điều tra viên, cấp huyện có 6.883 điều tra viên*)

Từ thực trạng về trình độ cán bộ của Cơ quan CSĐT cho thấy, cần phải tăng cường đào tạo và bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ

làm công tác điều tra để đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn bổ nhiệm điều tra viên theo quy định của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004.

Về tình hình thực hiện phân cấp thẩm quyền điều tra của Công an cấp huyện, theo đánh giá của Bộ Công an, phần lớn trong số 90 Cơ quan điều tra Công an cấp huyện được giao thực hiện thẩm quyền điều tra mới theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 đều là các Cơ quan điều tra quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc là các huyện lớn, được quan tâm hơn cả về số lượng và chất lượng cán bộ điều tra. Nhiều cán bộ có năng lực và kinh nghiệm được bố trí từ trước hoặc được bổ sung, tăng cường. Tính đến tháng 2 năm 2006, lực lượng làm công tác điều tra ở Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện được tăng thẩm quyền là 4.308 người, trong đó có 2.281 người đã được bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan điều tra (Thủ trưởng cơ quan điều tra: 88 người; Phó thủ trưởng cơ quan điều tra: 109 người; điều tra viên cao cấp: 17 người; điều tra viên trung cấp: 652 người; điều tra viên sơ cấp: 1.415 người). Về trình độ: đại học chiếm 54,2%, trung học chiếm 42,6%, sơ học chiếm 3,2%.

Thực hiện Kế hoạch số 48/2004/KH-BCA ngày 10/11/2004 của Bộ Công an về đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng làm công tác điều tra, Bộ Công an đã mở 4 lớp đào tạo hệ 3 cho 425 điều tra viên đã tốt nghiệp trung học nghiệp vụ Công an; 4 lớp bồi dưỡng cấp chứng chỉ điều tra cho 575 cán bộ đã tốt nghiệp đại học An ninh, đại học Cảnh sát và đại học Luật

Kết quả khảo sát cho thấy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động điều tra của điều tra viên còn yếu; cá biệt có một số đơn vị cấp huyện, có cán bộ chưa được bổ nhiệm điều tra viên nhưng vẫn tiến hành hoạt động điều tra, xử lý tội phạm. Trên thực tế, ở hầu hết các đơn vị điều tra cấp huyện vẫn còn không ít cán bộ điều tra chưa được đào tạo bài bản, có hệ thống về chuyên ngành điều tra tội phạm. Qua khảo sát ở 9 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Quảng Ninh, Bình Thuận, Đồng Nai, Khánh Hoà, Gia Lai), tình trạng quá tải trong

điều tra án của điều tra viên đang ở mức cao. Hàng năm, trung bình một cán bộ điều tra phải điều tra, giải quyết là 20 - 25 vụ. Vì vậy, cần tăng cường biên chế cho lực lượng cán bộ điều tra, đặc biệt là ở những đơn vị cấp huyện đã được tăng thẩm quyền hoặc dự kiến tăng thẩm quyền trong thời gian tới, để các cơ quan này có điều kiện bố trí, sắp xếp cơ quan điều tra theo mô hình mới của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, có đủ số lượng điều tra viên để thụ lý điều tra các vụ án thuộc thẩm quyền theo quy định của Bộ luật TTHS.

2.2. Thực trạng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

2.2.1. Kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra trên toàn quốc

Sau khi Bộ luật TTHS năm 1988 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989 được ban hành, Bộ Nội vụ (*nay là Bộ Công an*) đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cụ thể về tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra trong Công an nhân dân nói chung, Cơ quan CSĐT nói riêng. Theo đó, Cơ quan CSĐT được tổ chức từ trung ương đến địa phương và đã đi vào hoạt động có hiệu quả. Theo báo cáo tổng kết việc thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, từ năm 1989 đến năm 2000, Cơ quan CSĐT các cấp đã khởi tố 518.040 vụ với 703.273 người, trong đó đã giải quyết được 480.095 vụ (đạt 92.68%) và 631.451 người (đạt 89.79%); trong đó, các vụ án về kinh tế là 26.125 vụ với 40.720 người; các vụ án về trật tự xã hội là 433.130 vụ với 558.644 người; các vụ án về ma tuý là 20.840 vụ với 32.087 người; cụ thể:

+ Đã hoàn thành hồ sơ truy tố 384.426 vụ (chiếm 74.20%) và 487.866 bị can (chiếm 69.37%); trong đó: các vụ án kinh tế 18.510 vụ với 29.530 người, các vụ án hình sự 349.472 vụ với 434.221 người, các vụ án ma tuý 16.444 vụ với 24.115 người;

+ Đình chỉ điều tra 21.811 vụ (chiếm 4.20%) và 38.492 người (chiếm 5.47%) trong đó: các vụ án kinh tế 2298 vụ với 3536 người, các vụ án hình sự 18.920 vụ với 33.964 người, các vụ án ma tuý 593 vụ với 992 người;

+ Tạm đình chỉ điều tra 33.482 vụ (chiếm 6,46%), 39.050 người(chiếm 5.55%), trong đó: các vụ án kinh tế 2.221 vụ với 2.827 người, các vụ án hình sự 29.418 vụ với 33.702 người, các vụ án ma tuý 1.843 vụ với 2521 người;

+ Xử lý hành chính 26.069 vụ (chiếm 5.03%), 44.837 người (chiếm 6.37%), trong đó: các vụ liên quan đến kinh tế 2.007 vụ với 2545 người, các vụ liên quan đến hình sự 22.963 vụ với 39.426 người, các vụ liên quan đến ma tuý 1.099 vụ với 2.866 người.

+ Chuyển nơi khác 22.147 vụ (chiếm 4.27%), 21.212 người (chiếm 3.01%), trong đó: các vụ án kinh tế 1.089 vụ với 2.288 người, các vụ án hình sự 12.402 vụ với 17.331 người, các vụ án ma tuý 8.656 vụ với 1.593 người.

Kết quả điều tra từ năm 2000 trở lại đây như sau:

Năm 2000, thụ lý điều tra 22.483 vụ với 34.351 bị can;

Năm 2001, thụ lý điều tra 26.311 vụ với 38.306 bị can;

Năm 2002, thụ lý điều tra 32.302 vụ với 46.090 bị can;

Năm 2003, thụ lý điều tra 37.042 vụ với 55.414 bị can;

Năm 2004, thụ lý điều tra 40.519 vụ với 59.413 bị can;

Năm 2005, thụ lý điều tra 41.945 vụ với 61.953 bị can;

Năm 2006, thụ lý điều tra 58.516 vụ với 90.320 bị can;

Qua theo dõi thấy rằng, nhìn chung, số vụ án mà Cơ quan CSĐT thụ lý, điều tra hàng năm đều tăng bình quân khoảng 10%. Tuy nhiên, số vụ phát hiện được chiếm tỷ lệ chưa cao; cụ thể là, án kinh tế, phát hiện khoảng 30%, truy tố xét xử được khoảng 25%; còn án trật tự xã hội phát hiện khoảng 40%, truy tố xét xử được khoảng 25%.

Những năm gần đây, tỷ lệ phát hiện và điều tra khám phá các vụ án hình sự cao hơn. Ví dụ: năm 2005 đã khởi tố điều tra 41.945 vụ, 61.953 bị can (so với năm 2004 tăng 3,4% số vụ, 4,1% số bị can). Trong đó, tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế chiếm 2,21% số vụ, 2,5% bị can; các tội phạm về ma tuý chiếm 16,6% vụ, 15,42% bị can; các tội phạm về trật tự xã hội chiếm 81, 15% vụ, 82,1% bị can. Đã giải quyết 40.009 vụ, 59.843 bị can. Đề nghị truy

tố 36.007 vụ (90%), 59.276 bị can (94%). Năm 2006 đã khởi tố điều tra 58.156 vụ, 90.320 bị can (tăng 10,5% về số vụ, 11,7% số bị can). Trong đó, tội phạm về trật tự xã hội chiếm 82,5%; tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ chiếm 2,1%; tội phạm ma tuý chiếm 12,7%. Đã điều tra giải quyết 53.201/ 61.934 vụ (đạt 85,9%), với các hình thức: đề nghị truy tố 49.193 vụ (92,47%); đình chỉ điều tra 277 vụ (0,52%); tạm đình chỉ 3.96 vụ (6%)…

Bên cạnh việc gia tăng về số vụ phạm tội, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm cũng diễn biến rất phức tạp; cụ thể là:

- Đối với tội phạm xâm phạm trật tự xã hội, nhìn chung đã được kiềm chế, nhưng một số loại án như: cướp, cướp giật, cố ý gây thương tích, hiếp dâm… vẫn tăng; hoạt động của các băng nhóm có sử dụng vũ khí nóng gây ra một số vụ nghiêm trọng, táo tợn ở một số thành phố lớn và địa bàn trọng điểm; tội phạm cướp có sử dụng vũ khí chiếm tỉ lệ cao (48%); nhiều băng nhóm tội phạm hoạt động trong thời gian dài, gây ra hàng chục vụ án mới bị phát hiện; tình trạng chống người thi hành công vụ xảy ra nghiêm trọng ở nhiều địa phương; tình trạng mua bán phụ nữ, trẻ em; đánh bạc diễn ra phức tạp v.v..

- Tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ diễn ra phức tạp, đáng chú ý là tình trạng tham nhũng xảy ra nghiêm trọng trong các lĩnh vực kinh tế trọng điểm: Đầu tư, Xây dựng cơ bản, Tài chính, Ngân hàng, Bưu điện…; tiêu cực trong thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp, kinh doang thị trường chứng khoán; tội phạm sử dụng công nghệ cao trộm cắp cước viễn thông, lấy cắp thông tin qua tài khoản, thẻ tín dụng, rút tiền qua máy ATM, phá mật khẩu, đột nhập máy tính của ngân hàng… có chiều hướng gia tăng.

- Đối với tội phạm về ma tuý, mặc dù công tác điều tra, xử lý rất quyết liệt, nhưng số vụ phạm tội vẫn tăng, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt; đặc biệt là trên các tuyến biên giới đất liền như: Việt - Lào, Việt - Trung và khu vực Tây Nguyên. Nguồn ma tuý thẩm lậu vào nước ta rất lớn nhưng chưa ngăn chặn được, chủ yếu là các chất ma tuý như hêroin,

ma tuý tổng hợp và tân dược gây nghiện. Tình trạng sử dụng ma tuý tổng hợp tại các nhà hàng, nhà nghỉ, vũ trường, quán karaoke tiếp tục diễn ra, xu hướng phân tán nhỏ lẻ, nhất là ở TP HCM, Hải Phòng, Hà Nội…

Với nhiều nỗ lực, trong năm 2006, Cơ quan CSĐT trên toàn quốc đã đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án lớn như: chuyên án đấu tranh với băng nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức tại địa bàn Hà Nội, Hải Phòng, TPHCM; triệt phá băng nhóm hoạt động theo kiểu "xã hội đen", do Hà Lê cầm đầu ở Khánh Hoà; chuyên án Ngô Tiến Dũng cùng đồng bọn đánh bạc và tổ chức đánh bạc; chuyên án PMU 18 … nhiều vụ án lớn, nghiêm trọng đã được điều tra làm rõ, được nhân dân đánh giá cao. Đã điều tra làm rõ 40.265 vụ phạm tội về trật tự xã hội (đạt 74,78%), xử lý 56.101 đối tượng. Đã phát hiện, điều tra 11.256 vụ tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, trong đó 10.078 vụ buôn lậu, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng giả… Đặc biệt đã điều tra làm rõ nhiều vụ án lớn, nghiêm trọng trong các lĩnh vực Xây dựng cơ bản, tài chính, ngân hàng,

Về cơ bản, việc khởi tố, bắt giữ, điều tra xử lý các vụ án rõ thủ phạm từ cấp Bộ đến Công an cấp tỉnh và Công an cấp huyện đều tập trung giao cho Cơ quan CSĐT thụ lý. Kết quả điều tra xử lý đã có chuyển biến, tiến bộ rõ rệt. Tỷ lệ án kết thúc điều tra đề nghị xử lý bằng hình sự cao hơn trước (đạt trên 90%); chất lượng điều tra và thủ tục tố tụng đảm bảo tốt hơn. Việc khởi tố, bắt, giam giữ tuy có nhiều khó khăn nhưng với tinh thần quyết tâm, mưu trí, dũng cảm và trách nhiệm cao nên đã hạn chế được vi phạm và tiêu cực trong hoạt động tố tụng hình sự. Mối quan hệ phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, nhất là đẩy mạnh việc giải quyết các vụ án trọng điểm về kinh tế, hình sự, ma tuý đã được tăng cường, phát huy tác dụng tốt trên phạm vi cả nước và từng địa phương trong từng thời kỳ. Đã chú ý điều tra phát hiện thu hồi tài sản, góp phần khắc phục hậu quả thiệt hại và kiến nghị chấn chỉnh khắc phục nhiều sơ hở thiếu sót trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, quản lý cán bộ.

Thực trạng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trên toàn quốc còn được biểu hiện thông qua kết quả điều tra, khám phá những vụ án trọng điểm, án chưa rõ thủ phạm và án phục hồi điều tra.

** Đối với việc giải quyết những vụ án trọng điểm*

Trong những năm qua, việc phối hợp liên ngành trong việc xác định án trọng điểm đã có tác dụng tốt, phục vụ các nhiệm vụ chính trị tại địa phương cũng như trong toàn quốc, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả công tác điều tra, khám phá tội phạm, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả công tác điều tra, khám phá tội phạm, động viên quần chúng tích cực tham gia vào công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống tội phạm, củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Trên thực tế nhiều vụ án hình sự phức tạp, có nhiều bị can, địa bàn xác minh rộng tới cả các tỉnh phía Nam và phía Bắc nhưng đã có sự phối hợp giải quyết, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương cũng như trong cả nước, như: vụ án xảy ra tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Hoa (75 bị can); vụ Công ty lương thực tỉnh An Giang (20 bị can); vụ dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè, Lai Châu gồm các tội tham ô, cố ý làm trái, đưa hối lộ, nhận hối lộ; vụ công ty nước khoáng Kim Bôi tỉnh Hoà Bình gồm các tội tham ô, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, lừa đảo, đưa hối lộ; vụ Lã Thị Kim Oanh nguyên giám đốc công ty tiếp thị đầu tư nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn cùng các bị can khác phạm tội tham ô, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; vụ án Trương Văn Cam và đồng phạm hoạt động phạm tội theo kiểu xã hội đen ở thành phố Hồ Chí Minh (155 bị can) với 24 tội danh khác nhau như: giết người, cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, đánh bạc, che dấu tội phạm, không tố giác tội phạm, làm sai lệch hồ sơ vụ án, lợi dụng chức vụ quyền hạn, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọngv.v…Đáng chú ý là trong năm 2004, một số vụ án tham nhũng lớn đã được khám phá, khởi tố điều tra để xử lý như: vụ Lê

Văn Thắng, nguyên Phó vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu Bộ Thương mại đã cùng một số người trong cơ quan móc nối với đối tượng bên ngoài tạo thành "đường dây" đưa và nhận hối lộ có quy mô lớn trong quá trình phân bổ hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may; trong vụ án này còn có nguyên Thứ trưởng Bộ thương mại phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Vụ Nguyễn Quang Thưởng, nguyên Phó tổng giám đốc Tổng công ty dầu khí Việt nam cùng các bị can khác phạm tội tham ô tài sản và cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến xây dựng đường ống và kho cảng Thị Vải. Năm 2006 Cơ quan CSĐT đã phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền điều tra, khám phá những vụ án tham nhũng lớn được công luận chú ý như: Vụ tham nhũng xảy ra tại Ban quản lý các dự án PMU 18 Bộ Giao thông vận tải; Vụ lợi dụng chức vụ, quyền hạn, đưa và nhận hối lộ trong quá trình thanh tra các công trình xây dựng tại Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam; Vụ Nguyễn Đức Chi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra ở tỉnh Khánh Hoà; Vụ Nguyễn Lâm Thái lừa đảo một số đơn vị trong nghành bưu điện; Vụ Mạc Kim Tôn, nguyên Giám đốc Sở giáo dục - đào tạo tỉnh Thái Bình lợi đụng chức vụ quyền hạn để trục lợi; Vụ tiêu cực đất đai xảy ra tại thị xã Đồ Sơn Hải Phòng, huyện Sóc Sơn Hà Nội. Đồng thời, trong năm 2006 Cơ quan CSĐT cũng điều tra, khám phá một số vụ án ma tuý lớn được dư luận đồng tình như: Vụ Nguyễn Văn Luân (tức Hải Luận) gồm 45 bị can, mua bán trái phép 2.354 bánh hêrôin; Vụ Trịnh Nguyên Thuỷ và đồng bọn sản xuất trái phép 44 kg hêrôin, vận chuyển trái phép 614 bánh và 27,5 cây hêrôin…

** Đối với các vụ án chưa rõ thủ phạm*

Các vụ án chưa rõ thủ phạm (gồm cả các vụ án về trật tự an toàn xã hội; ma tuý, kinh tếv.v…) phần lớn do Cơ quan CSĐT thụ lý chính; các lực lượng khác tham gia phối hợp theo chức năng và theo sự phân công của lãnh đạo. Nhìn chung thời gian qua, công tác điều tra các loại án chưa rõ thủ phạm đã

có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ khám phá năm sau cao hơn năm trước. Theo số lượng thống kê của 6 địa phương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hà Tây, Thái Bình, Nghệ An) trong 10 năm(1991-2000) đã xảy ra 172.059 vụ án chưa rõ thủ phạm; Cơ quan CSĐT các cấp đã khám phá được 111.813 vụ, đạt tỷ lệ 64,99%, trong đó trọng án xảy ra 18.610 vụ, đã khám phá 16.428 vụ, đạt tỷ lệ 88,28%. Nhưng đối với các vụ án hình sự chưa rõ thủ phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT cấp huyện như: cướp, cướp giật, lừa đảo, trộm cắp, gây thương tích v.v…thì tỷ lệ khám phá điều tra còn thấp. Trong thực tiễn điều tra các vụ án chưa rõ thủ phạm còn nhiều bất cập do việc bố trí cán bộ điều tra chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng điều tra viên (nhất là cấp huyện) còn thấp, sự phối hợp giữa các lực lượng điều tra các loại án này chưa tốt, có địa phương còn có biểu hiện cục bộ đùn đẩy cho nhau; ý thức tấn công, làm rõ tội phạm chưa kiên quyết nên nhiều trường hợp có tội phạm xảy ra nhưng vì chưa rõ thủ phạm nên Cơ quan CSĐT không tiến hành khởi tố, để lọt tội phạm . Đồng thời, việc xác minh làm rõ các vụ án chưa rõ thủ phạm của Cơ quan CSĐT nhiều khi còn chưa kiên quyết, trong quá trình xác minh còn bỏ lọt chứng cứ nên đã dẫn đến hiệu quả điều tra, khám phá các loại án này chưa cao.

** Đối với các vụ án phục hồi điều tra*

Theo đánh giá của Cơ quan CSĐT Bộ Công an thì việc điều tra các vụ án phục hồi điều tra bao giờ cũng phức tạp khó khăn do vụ án đã bị đình chỉ điều tra. Công tác điều tra không những phải làm rõ tội phạm, người phạm tội đã bị bỏ lọt mà còn phải làm rõ các sai phạm của người tiến hành tố tụng trong công tác điều tra vụ án đó trước đây. Thực tiễn quá trình giải quyết các vụ án phục hồi điều tra cho thấy cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát trong việc đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội đã bị đình chỉ điều tra; đánh giá những sai phạm của những người tiến hành tố tụng đối với các vụ án trước đây; thống nhất việc áp dụng

cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với các tội phạm và người phạm tội do bị đình chỉ điều tra nên bỏ lọt.

2.2.2. Thực trạng áp dụng một số hoạt động tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong giải quyết vụ án hình sự

a) Hoạt động tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác về tội phạm và khởi tố vụ án hình sự

Một trong những hoạt động quan trọng của Cơ quan CSĐT trước khi khởi tố vụ án hình sự là tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm. Thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự và Thông tư liên nghành số 03/ TTLN ngày 15/5/1992 về công tác tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, Cơ quan CSĐT đã tiếp nhận, xử lý hàng triệu tin báo, tố giác về tội phạm từ các nguồn khác nhau, như: nhân dân trực tiếp tố giác (chiếm khoảng 52, 27%); các đơn vị Công an trực tiếp phát hiện (chiếm khoảng 26,03%); các cơ quan, tổ chức xã hội tố giác (chiếm khoảng 8,01%); các cơ quan thông tin đại chúng phản ánh (chiếm khoảng 1,21%); còn lại là các nguồn khác.

Theo quy định của Thông tư liên ngành số 03 ngày 15/5/1992 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Lâm nghiệp, Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc thi hành các quy định của Bộ luật TTHS về việc tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm thì trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm chủ yếu thuộc về Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Trong đó, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, xử lý nguồn tin báo về tội phạm theo thẩm quyền và phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp tình hình tiếp nhận và giải quyết tin đó; Viện kiểm sát có quyền yêu cầu khởi tố hoặc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, chuyển cho Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, đồng thời Viện kiểm sát các cấp có trách nhiệm thống kê, tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm. Thông tư còn chỉ rõ quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát là Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp phải thông báo việc tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm cho Viện kiểm sát cùng cấp

biết hàng ngày (đối với cấp huyện), hàng tháng (đối với cấp tỉnh) và hàng quý (đối với cấp trung ương qua họp liên ngành). Thực hiện những quy định trên, công tác tiếp nhận, xác minh giải quyết tin báo và tố giác về tội phạm cơ bản được Cơ quan CSĐT chú ý thực hiện và đạt kết quả tốt. Tại nhiều địa phương, Cơ quan CSĐT các cấp đã bố trí cán bộ trực ban hình sự có kinh nghiệm chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tiếp nhận, phân loại xử lý tin. Nhiều tin báo, tố giác về tội phạm được tiếp nhận kịp thời, xác minh nhanh chóng, kết luận giải quyết chính xác, có hiệu quả; điển hình: là những vụ việc phạm tội nghiêm trọng ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí minh, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Lào Cai, Kon Tum v.v…

Bên cạnh đó, ở một số địa phương việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm còn bị phân tán, không giao trách nhiệm chính cho Cơ quan CSĐT; việc đôn đốc chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên với cấp dưới và sự phối hợp của Cơ quan CSĐT với các cơ quan khác trong giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm còn chưa chặt chẽ, thường xuyên. Do vậy, tình trạng tin đi vòng vèo, khi đến cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết thì đã chậm; cá biệt còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm nên nhiều tin bị bỏ lọt, không được xác minh giải quyết. Ngược lại, có nhiều cơ quan, nhiều cấp đều tiếp nhận và xác minh dẫn đến giải quyết trùng dẫm, vừa tốn lực lượng vừa không tập trung thống nhất.

Theo quy định của pháp luật, khi nhận được tin báo, tố giác về tội phạm, Cơ quan CSĐT phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết để Viện kiểm sát kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của Cơ quan CSĐT, đồng thời phải thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát về xác minh nguồn tin. Trong thời hạn 20 ngày (đối với những vụ việc phức tạp là 2 tháng), Cơ quan CSĐT phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án và phải gửi quyết định cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết. Trong thực tiễn, việc thực hiện quy định trên giữa Cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát về cơ bản đã tuân thủ những quy định trong pháp luật tố tụng

hình sự. Tuy nhiên, ở một số địa phương (đặc biệt là Cơ quan CSĐT cấp huyện), sự phối hợp đó còn thiếu chặt chẽ, cụ thể là:

- Chưa kịp thời thông báo cho Viện kiểm sát biết tình hình tiếp nhận tiến độ xác minh nguồn tin.

- Viện kiểm sát cũng chưa làm tốt chức năng kiểm sát quá trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm của Cơ quan CSĐT, dẫn đến nhiều việc để kéo dài, có vụ việc cần được khởi tố nhưng chưa khởi tố.

Nguyên nhân của tình hình trên về khách quan là hiện nay tội phạm có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp; việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm đối với các loại tin về tham nhũng, buôn lậu, ma tuý v.v…gặp nhiều khó khăn. Về chủ quan: là sự phân công, tổ chức tiếp nhận, phân loại và xử lý tin báo, tố giác về tội phạm chưa khoa học; quan hệ phối hợp giữa lực lượng cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát chưa chặt chẽ.

Tuy nhiên, vấn đề còn tồn tại hiện nay là những quy định mới trong Bộ luật TTHS năm 2003 về trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 về tổ chức Bộ máy mới của Cơ quan CSĐT liên quan đến trách nhiệm tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm ngay trong nội bộ Cơ quan CSĐT với các bộ phận trong Cơ quan điều tra (Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý, Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng); cơ chế phối hợp giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát trong giải quyết các thông tin về tội phạm là quan hệ trực tiếp giữa Viện kiểm sát với các bộ phận trực tiếp thụ lý giải quyết tin (trong Cơ quan cảnh sát điều tra) hay còn phải thông qua văn phòng Cơ quan CSĐT?

Theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật TTHS thì: *khi phát hiện dấu hiệu của tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự*. Điều 100

Bộ luật TTHS quy định: *Chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm.*

Như vậy, theo quy định của Bộ luật TTHS thì khi có căn cứ dấu hiệu của tội phạm thì Cơ quan CSĐT phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Quyết định khởi tố vụ án hình sự là văn bản pháp lý, là cơ sở ban đầu để tiến hành một cách hợp pháp các hoạt động tiếp theo nhằm làm rõ vụ án hình sự và là cơ sở pháp lý trực tiếp của các quan hệ tố tụng hình sự phát sinh liên quan đến giải quyết vụ án. Tất cả các hoạt động tố tụng hình sự chỉ được tiến hành sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự (trừ trường hợp khám nghiệm hiện trường, bắt khẩn cấp, tạm giữ và khám người trong các trường hợp này thì được tiến hành trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự). Lẽ đương nhiên, để đi đến quyết định khởi tố vụ án, Cơ quan CSĐT, sau khi tiếp nhận thông tin về tội phạm, phải tiến hành các biện pháp xác minh tin tức tài liệu, thông qua khám nghiệm hiện trường, thu thập chứng cứ ...v.v.. để có đủ cơ sở kết luận là có tội phạm xảy ra (nếu không có căn cứ xác định dấu hiệu tội phạm phải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự). Trách nhiệm của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật hiện hành là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động khởi tố, đảm bảo mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố có căn cứ và hợp pháp (Điều 19 Bộ luật TTHS 2003). Cũng theo quy định của Bộ luật TTHS thì trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự chủ yếu là Cơ quan CSĐT, Viện kiểm sát ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu thấy quyết định khởi tố của Cơ quan CSĐT là không có căn cứ và Viện kiểm sát chỉ ra quyết định khởi tố vụ án trong trường hợp huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan CSĐT. Quy định trên của pháp luật tố tụng hình sự là hết sức chặt chẽ, một mặt tạo quyền chủ động cho cơ quan trực tiếp tiến hành điều tra, mặt khác nâng cao trách nhiệm của Viện kiểm sát nhằm đảm bảo cho việc khởi tố vụ án hình sự được chính xác, không để lọt tội phạm. Thực tiễn hoạt động khởi tố vụ án của trong những năm qua cho thấy, để đảm bảo cho hoạt động khởi tố có căn cứ và hợp

pháp, giữa Cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát đã có sự phối hợp ngày một chặt chẽ. Sự phối hợp đó thể hiện không chỉ ở mỗi cơ quan thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình mà còn ở chỗ chủ động trao đổi, nhận xét đánh giá về những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được xem có đủ căn cứ để xem xét khởi tố vụ án hay không khởi tố vụ án hình sự.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động điều tra, khám phá tội phạm cũng cho thấy không phải vụ phạm tội nào xảy ra cũng đã có cơ sở để xác định đối tượng gây án, thậm chí có những vụ án xảy ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra bằng mọi biện pháp nhưng hết thời hạn điều tra theo quy định của pháp luật vẫn không xác định được đối tượng gây án. Theo thống kê của Cơ quan CSĐT Bộ Công an thì tỷ lệ bình quân của việc điều tra án chưa rõ thủ phạm trong toàn quốc trong những năm qua là còn thấp, bình quân chiếm tỷ lệ khoảng 50%, một số nơi có tỷ lệ khoảng 60 - 65%. Từ thực tế này, đã xuất hiện tâm lý "ngại" khởi tố đối với một số vụ án mặc dù đã xác định rõ có dấu hiệu của tội phạm xảy ra. Tình trạng trên được phản ánh trong Công văn kiến nghị số 29 ngày 8/5/2001 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Bộ công an đã nêu rõ: tình trạng Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án khi chưa xác định được đối tượng phạm tội hoặc đối tượng phạm tội bỏ trốn vẫn còn xảy ra ở nhiều địa phương, vi phạm Điều 87 Bộ luật TTHS như ở Quảng Ninh, từ năm 1997 đến hết năm 1999 có 140 vụ Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án vì chưa xác định được đối tượng phạm tội hoặc như tại Ninh Bình đã xảy ra một số vụ: vụ Nguyễn Thị Cúc bị một người đàn ông lừa đảo lấy một chiếc xe DREM II và 3,5 chỉ vàng tại khách sạn Sông Vân 2 ngày 7/12/1998, vụ kẻ gian phá cửa nhà chị Dung ở Ninh Khánh lấy trộm 4 triệu đồng và 18 chỉ vàng.

Một thực tế mà Cơ quan CSĐT đang phải tìm cách khắc phục là chất lượng khởi tố: vẫn còn hiện tượng khởi tố thiếu căn cứ nhất là những vụ bị hình sự hoá các quan hệ dân sự và kinh tế.

Theo báo cáo tổng kết các năm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tình trạng khởi tố không đúng qua điều tra phải đình chỉ vẫn xảy ra, theo thống kê của Viện kiểm sát thì từ 1/12/1999 đến 31/7/2000 trong toàn quốc có 482 vụ/910 bị can phải đình chỉ điều tra (chiếm 13% số vụ đình chỉ) do khởi tố thiếu căn cứ. Tuy số lượng các vụ án phải đình chỉ điều tra có giảm đi nhưng đáng chú ý là vẫn còn những vụ, những bị can phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội.

Năm 2001, Cơ quan điều tra đình chỉ 1.435 vụ/ 1867 bị can, trong đó đình chỉ điều tra vì không phạm tội là 398 người (giảm 153 người); Viện kiểm sát đình chỉ1.240 vụ/ 2.313 bị can trong đó đình chỉ điều tra vì không phạm tội là 281 người.

Năm 2002, Cơ quan điều tra đình chỉ 1.236 vụ/1.610 bị can), trong đó đình chỉ điều tra vì không phạm tội là 327 người; viện kiểm sát đình chỉ 889vụ/ 1.614 bị can trong đó đình chỉ điều tra vì không phạm tội là 207 người.

Năm 2003, Cơ quan điều tra đình chỉ 1.121 vụ, trong đó đình chỉ điều tra vì không phạm tội là 241 người; viện kiểm sát đình chỉ 803 vụ trong đó đình chỉ điều tra vì không phạm tội là 115 người.

Năm 2004, Cơ quan điều tra đã đình chỉ điều tra đối với 165 người và viện kiểm sát đình chỉ điều tra đối với 124 người do không phạm tội.

Năm 2005, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát các cấp đã đình chỉ 1.696 vụ/ 2.659 bị can.

Năm 2006, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát các cấp đã đình chỉ 1.967 vụ/ 3.047 bị can tăng 271 vụ/ 388 bị can. Trong đó:

- Cơ quan điều tra hai cấp đình chỉ 1.442 vụ/1.821 bị can (Cơ quan điều tra cấp tỉnh đình chỉ 213 vụ/ 382 bị can; Cơ quan điều tra cấp huyện đình chỉ 1.229 vụ/1.439 bị can) chiếm 2,4% số vụ; 1,8% số bị can đã giải quyết; tăng 117 vụ/103 bị can.

- Viện kiểm sát nhân dân các cấp đình chỉ 495 vụ/1.226 bị can (Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đình chỉ 98 vụ/ 920 bị can; Viện kiểm sát nhân dân cáp huyện đình chỉ 397 vụ/ 902 bị can) chiếm 0,86% số vụ; 1,3% số bị can so với số vụ và số bị can đã giải quyết.

Qua số liệu đã đình chỉ năm 2006 thì số bị can đã đình chỉ được phân tích như sau:

Thứ nhất, đình chỉ do không có sự kiện phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm, bị can chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự , bị can đã chết, bị can bi mắc bệnh tâm thần theo các khoản của Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003 là: 591 bị can, chiếm 19,3% trên tổng số bị can bị đình chỉ. Trong đó:

- Đình chỉ do không có sự kiện phạm tội là 6 bị can theo khoản 1 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003.

- Đình chỉ do hành vi không cấu thành tội phạm là 151 bị can theo khoản 2 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003.

- Đình chỉ do bị can chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 27 bị can theo khoản 3 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003.

- Đình chỉ do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 47 bị can theo khoản 5 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003.

- Đình chỉ do bị can chết trong quá trình điều tra 129 bị can theo khoản 7 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003.

- Đình chỉ do bị can mắc bệnh tâm thần là 184 bị can.

Thứ hai, đình chỉ do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố trong giai đoạn điều tra, truy tố theo Điều 105 Bộ luật TTHS năm 2003 là 1058 bị can.

Thứ ba, đình chỉ do hết thời hạn điều tra không chứng minh được hành vi phạm tội của bị can theo điểm b, khoản 2, Điều 164 Bộ luật TTHS năm 2003 là 47 bị can.

Thứ tư, đình chỉ do miễn tránh nhiêm hình sự theo các điều 19, 25, 69 BLHS năm 1999 là 1.351 bị can.

Những trường hợp đình chỉ điều tra đối với bị can không phạm tội chủ yếu là do bị can có hành vi vi phạm pháp luật nhưng qua điều tra, xác định được hành vi của bị can chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm.

Như vậy, từ thực tế nêu trên cho thấy chất lượng khởi tố của Cơ quan CSĐT còn chưa cao, còn nhiều sai sót. Việc để tình trạng xảy ra như trên do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết nguyên nhân thuộc về Cơ quan CSĐT do thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ thiếu chính xác dẫn đến việc khởi tố thiếu chính xác không đúng luật định phải đình chỉ điều tra.

b) Hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn

Theo quy định tại chương VI của Bộ luật TTHS năm 2003 thì các biện pháp ngăn chặn gồm 6 biện pháp là: bắt, tạm giữ, tạm giam, cám đi khỏi nơi cư trú, bảo lĩnh và đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo. Có thể nói, trong quá trình điều tra vụ án hình sự Cơ quan điều tra có thể áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chăn nhằm đáp ứng các yêu cầu của việc điều tra khám phá tội phạm đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn (nhất là các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam) trực tiếp liên quan đến các quyền tự do cơ bản của công dân nên việc vận dụng không đúng các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam sẽ có tác động xấu không chỉ ảnh hưởng đến sinh mệnh chính trị của công dân, để lại những hậu quả lâu dài mà còn làm suy giảm lòng tin của người dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Chính vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự của Nhà nước ta quy định rất chặt chẽ các căn cứ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn. Để ngăn ngừa, hạn chế các sai phạm có thể xảy ra trong giai đoạn khởi tố, điều tra Bộ luật TTHS năm 2003 tiếp tục bổ sung những quy định mới trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với cả Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, phân rõ trách nhiệm của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Theo đó, Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định việc áp

dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 là sự thể hiện các quan điểm của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Chỉ thị số 53/CT ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị về một số công việc trọng tâm của các cơ quan tư pháp năm 2000 đã chỉ rõ: " Tăng cường trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát đối với công tác bắt, tạm giữ, tạm giam, việc bắt người phải được phê chuẩn từng trường hợp, không bắt giam oan, sai sót trong việc bắt giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện kiểm sát địa phương đó chịu trách nhiệm". Đến ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị tiếp tục ra Nghị quyết số 08/ NQ-TW khẳng định sự cần thiết phải quản lý, giám sát chặt chẽ việc bắt giam giữ đảm bảo đúng luật định: " Những trường hợp chưa cần thiết tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt giữ, Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền của mình".

Thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các quy định của Pháp luật tố tụng hình sự, Đảng uỷ Công an trung ương và lãnh đạo Bộ Công an; Ban cán sự Đảng và lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có nhiều văn bản chỉ đạo ngành mình nhằm nâng cao hiệu quả công tác bắt, tạm giữ, tạm giam; hạn chế đến mức tối đao các vi phạm có thể xảy ra. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra khám phá tội phạm trong những năm qua cho thấy tính chất phức tạp của tình hình tội phạm: án xảy ra vẫn ở mức cao, nhất là các tội phạm về tham nhũng, buôn lậu, ma tuý, trọng án về hình sự…làm cho việc điều tra, giải quyết không đơn giản, phải tốn nhiều thời gian, công sức.

Theo báo cáo tổng kết việc thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, trong 10 năm 1990 - 2000, lực lượng Cảnh sát điều tra các cấp đã tiếp nhận và bắt giữ khởi tố 518.040 vụ với 703.273 người (chiếm 97,1% tổng số vụ án mà các Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân thụ lý, giải quyết), trong đó tội

phạm kinh tế 31.537 vụ - 44.816 người, tội phạm hình sự 463.874 vụ - 622.885 người, tội phạm về ma tuý 22.629 vụ- 35.572 người.

- Về trường hợp bắt, phân tích trong số 518.040 vụ- 703.273 người bị bắt giữ cho thấy:

+ Bắt quả tang: 187.049 vụ (chiếm 36,11%) - 350.549 người (chiếm 49.80%) trong đó: các tội phạm kinh tế 11.837 vụ - 15.790 người, các tội phạm hình sự 157.480 vụ - 332.303 người, các tội phạm ma tuý 17.732 vụ - 2.456 người.

+ Bắt khẩn cấp: 98.954 vụ (chiếm 19,1%)- 121.103 người chiếm (17.21%) trong đó: các tội phạm kinh tế 8.800 vụ- 11.317 người, các tội phạm hình sự 87.334 vụ - 104.159 người, các tội phạm ma tuý 2.820 vụ - 5.527 người.

+ Bắt có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát là 57.230 vụ (chiếm 11,05%)- 112.528 người (chiếm 16%) trong đó: các tội phạm kinh tế 5.422 vụ - 8.780 người, các tội phạm hình sự 50.419 vụ- 100.036 người, các tội phạm ma tuý 1.389 vụ- 3.712 người.

+ Bắt truy nã: 28.226 vụ (chiếm 5,45%)- 34.778 người (chiếm 4,95%); trong đó: các tội phạm kinh tế 1.195 vụ- 2.863 người, các tội phạm hình sự 26.704 vụ- 31.061 người, các tội phạm ma tuý 327 vụ - 854 người.

Đáng chú ý là từ năm 2001 đến nay, số vụ phạm tội vẫn chưa giảm, theo báo cáo hàng năm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, năm 2001 đã phát hiện và bắt giữ 58.993 vụ- 81.240 bị can (số vụ tăng 1,8% so với năm 2000); năm 2002 là 64.560 vụ- 91.477 bị can (số vụ tăng 9,5% so với năm 2001), năm 2003 là 66.310 vụ- 99.622 bị can (số vụ tăng 3,4% so với năm 2002); năm 2004 là 65.196 vụ - 98.461 bị can (số vụ giảm 1,8% so với năm 2003) năm 2005 là 69.566 vụ - 106.057 bị can (tăng so với năm 2004 là 4.397vụ - 7.596 bị can); năm 2006 là 79.186 vụ - 122.923 bị can (tăng so với năm 2005 là 9.620 vụ - 16.856 bị can).

Tuy số lượng án thụ lý hàng năm ở mức cao nhưng về cơ bản ngày càng nâng cao chất lượng bắt, bảo đảm việc bắt giữ có căn cứ pháp luật. Đặc biệt là từ khi thực hiện chỉ thị 53/CT ngày 21/3/2000 và Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/01/2002, việc bắt, giam, giữ, xử lý được tiến hành thận trọng nhìn chung đảm bảo đúng pháp luật, không phát hiện sai sót gì lớn. Ở nhiều địa phương việc bắt, giam, giữ đều tiến hành đảm bảo đúng pháp luật thể hiện ở chất lượng khởi tố hình sự ngày càng cao: năm 2002 tỷ lệ bắt giữ chuyển khởi tố hình sự là (87,1%); năm 2003 là (90,04%); 2004 là năm (91,7%); năm 2005 đạt tỉ lệ 95,1%; năm 2006 đạt tỉ lệ là 95,3%

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong những năm gần đây vẫn còn tình trạng Viên kiểm sát vẫn không phê chuẩn một số quyết định của Cơ quan CSĐT trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn cụ thể: năm 2005 Viện kiểm sát không phê chuẩn bắt khẩn cấp 118 trường hợp, không gia hạn tạm giữ 159 trường hợp; năm 2006 Viện kiểm sát không phê chuẩn bắt khẩn cấp 134 trường hợp, không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 189 trường hợp, không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam 350 trường hợp, không phê chuẩn tạm giam 329 trường hợp. Theo đánh giá trong Báo cáo của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết số 08/NQ- TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị thì còn hiện tượng: "*Một số nơi vẫn còn lạm dụng việc bắt khẩn cấp, tạm giữ nhưng không đủ căn cứ khởi tố phải trả tự do"*. Thực tiễn hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn của Cơ quan CSĐT trong những năm qua cho thấy, những khuyết điểm trong bắt, giam, giữ biểu hiện tập trung ở một số dạng sau:

- Lạm dụng bắt khẩn cấp: một số nơi chưa vận dụng đúng quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003; bắt khẩn cấp cả trường hợp không có yếu tố khẩn cấp, người phạm tội ra đầu thú; mời người lên trụ sở làm việc rồi bắt giữ luôn….bắt khẩn cấp không đủ căn cứ khởi tố hình sự phải trả tự do. Qua khảo sát 2 năm gần đây cho thấy số trường hợp lạm dụng bắt khẩn cấp không đúng sau phải trả tự do, xử lý hành chính tuy đã giảm

nhưng vẫn còn chiếm tỉ lệ cao cụ thể: năm 2005 lạm dụng bắt khẩn cấp 118 trường hợp chiếm 4,9%; năm 2006 là 134 trường hợp chiếm 4,2%.

- Còn hiện tượng bắt oan, bắt sai: một số nơi chưa vận dụng đúng quy đinh của pháp luật bắt người nên dẫn đến bắt oan, sai. Dạng bắt oan là do thiếu thận trọng khách quan trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; vụ việc chỉ là quan hệ hành chính, kinh tế, dân sự nhưng người có thẩm quyền đã sử dụng biện pháp bắt người của tố tụng hình sự; bắt nhầm người không thực hiện hành vi phạm tội. Dạng bắt sai là do bắt người không có đầy đủ các căn cứ bắt trong các trường hợp bắt; bắt người không đúng trường hợp, thẩm quyền, thủ tục, trình tự theo quy định của Bộ luật TTHS.

- Còn hiện tượng lạm dụng tạm giữ hành chính: do việc phân loại bắt giữ tại cơ cở chưa đúng quy định nên có trường hợp tạm giữ hình sự cả những người có hành vi vi phạm hành chính. Ngược lại, một số địa phương lại tạm giữ hành chính cả những người có hành vi phạm tội hình sự. Trong khi đó Viện kiểm sát không kiểm sát việc tạm giữ hành chính do vậy có thể xảy ra tình trạng để lọt tội phạm. Ví dụ tại Công an quận Đống Đa trong 6 tháng đầu năm 2004 đã có 3 trường hợp lạm dụng giữ hành chính trong khi hành vi phạm tội đã rõ: Vụ Đặng Hoài An can tội tàng trữ trái phép chất ma tuý, giữ hành chính ngày 13/5/2004, chuyển tạm giữ hình sự 14/5/2004; vụ Phùng Đức Thuấn can tội tàng trữ trái phép chất ma tuý, giữ hành chính ngày 4/4/2004, chuyển tạm giữ hình sự ngày 5/4/2004; vụ Trần Quang Minh can tội trộm cắp tài sản, giữ hành chính 16/3/2004, chuyển tạm giữ hình sự 17/3/2004.

- Có trường hợp không khởi tố, người tạm giữ được trả tự do theo quy định của pháp luật, nhưng một số địa phương không thực hiện đúng. Người tạm giữ không bị khởi tố họ không được nhận quyết định trả tự do mà cơ quan điều tra ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú chờ xử lý, dẫn đến để kéo dài không giải quyết dứt điểm vụ việc. Khi phân loại xử lý trong tạm giữ hình sự còn để lọt tội phạm.

Việc áp dụng biện pháp tạm giam trong một số trường hợp vận dụng không chính xác, không cần áp dụng tạm giam nhưng vẫn tạm giam trong khi có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác.

- Không chấp hành đúng các quy định về thời hạn tạm giam, tạm giữ. Theo số liệu báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong năm 2004, trong số 57.531 người bị tạm giam được giải quyết, các cơ quan tiến hành tố tụng đã để quá hạn 435 người, trong đó thuộc về trách nhiệm của Cơ quan điều tra là 53 người, của Viện kiểm sát là 77 người và của Toà án là 305 người. Trong số 22.002 người còn bị tạm giam tính đến thời điểm 30/11/2004 còn 162 người bị tạm giam quá hạn, trong đó thuộc về trách nhiệm của Cơ quan điều tra là 57 người, của Viện kiểm sát là 19 người và của Toà án là 186 người.

Nguyên nhân của tình trạng trên có thể phân tích trên nhiều khía cạnh, nhưng nếu xét trên phương diện quan hệ phối hợp thì thấy sự phối hợp giữa Cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát còn thiếu chặt chẽ, biểu hiện cụ thể là: cả Điều tra viên và Kiểm sát viên chưa nắm chắc và vận dụng đúng các căn cứ để áp dụng hay thay đổi các biện pháp ngăn chặn nên Kiểm sát viên chưa phát hiện kịp thời và chủ động yêu cầu Điều tra viên làm rõ những vấn đề trước khi đề xuất việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, gia hạn tạm giữ hoặc tạm giam. Phía Điều tra viên chưa chủ động trao đổi hoặc thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTHS về thủ tục để đề nghị viện kiểm sát phê chuẩn, như hết hạn tạm giữ, tạm giam mới làm văn bản đề nghị viện kiểm sát phê chuẩnv.v…như trong Báo cáo kết quả ba năm thực hiện chuyên đề bắt, tạm giữ, tạm giam xử lý (2000 - 2002) của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chỉ rõ: qua kiểm tra ở nhiều địa phương, Cơ quan CSĐT đã ra lệnh tạm giữ, kịp thời huỷ bỏ những trường hợp không cần thiết tạm giữ… Kiểm tra ở địa phương có báo cáo thường là những trường hợp nào Cơ quan CSĐT hướng tới việc khởi tố vụ án hình sự xin phê chuẩn tạm giam thì gửi lệnh tạm giữ đến Viện kiểm sát cùng cấp khi bắt tạm giữ, còn lại nhiều trường hợp không gửi đến Viện kiểm sát

cùng cấp khi bắt tạm giữ, còn lại nhiều trường hợp không gửi hoặc gửi không kịp thời là những trường hợp còn lưỡng lự trong xử lý.

2.3. Một số nhận xét về thực trạng tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Để đánh giá hiệu quả hoạt động của một hệ thống cơ quan, đặc biệt là Cơ quan điều tra, phải xem xét ở nhiều tiêu chí: chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất... Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi dừng lại ở việc đánh giá mô hình tổ chức và thực tiễn hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự; cụ thể là những nội dung sau:

2.3.1. Về quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Nhìn chung, BLHS và Bộ luật TTHS hiện hành đã quán triệt tinh thần cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 08 - NQ/ TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị và là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, cho đến nay những văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định trong BLHS vẫn còn quá ít, qua các công trình nghiên cứu, các hội thảo khoa học cho thấy những vấn đề thực tiễn đặt ra cho công tác điều tra, khám phá tội phạm cần có những quy định hướng dẫn, bổ sung trong BLHS. Vì không có quy định cụ thể sẽ là những vướng mắc trong quá trình điều tra, xử lý vụ án hình sự là nguyên nhân dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác điều tra khám phá tội phạm của Cơ quan CSĐT. Đó là các vấn đề về điều tra khám phá các vụ án tham nhũng, các vụ án kinh tế để khắc phục tình trạng hình sự hoá các quan hệ dân sự, kinh tế, các quy định tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia. Các văn bản cụ thể hoá Bộ luật TTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 vẫn còn ít chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, nhất là các vấn đề liên quan đến trách nhiệm của Cơ quan CSĐT trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự, đặc biệt những văn bản quy

định về mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, nhất là giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Nhiều vụ án trong quá trình điều tra, xử lý bị kéo dài gây dư luận không tốt trong nhân dân vì cho rằng cơ quan tư pháp áp dụng pháp luật tuỳ tiện. Sự khác nhau trong quan điểm và nhận thức vè pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự giữa các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử đã gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý án, có trường hợp dẫn đến oan, sai do cách hiểu và vận dụng quy định của pháp luật khác nhau về việc xác định thế nào là tội phạm, thế nào là oan, phân biệt giữa tội phạm và vi phạm hành chính hoặc tranh chấp dân sự, kinh tế…

Bên cạnh đó, trong Bộ luật TTHS năm 2003 vẫn còn nhiều quy định gây khó khăn cho Cơ quan CSĐT trong việc áp dụng vào thực tiễn công tác như những quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn cụ thể:

- Những quy định pháp luật về bắt người đều mang tính tuỳ nghi trong khi trình độ của lực lượng điều tra viên hiện nay còn hạn chế dẫn đến khó vận dụng trong thực tiễn và nhiều trường hợp dẫn đến oan sai:

Điều 81, BLTTHS năm 2003, quy định các trường hợp bắt khẩn cấp : "*khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; khi thấy dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu huỷ chứng cứ*". Theo quy định trên, để ra lệnh bắt một người, ngoài việc phải xác định người đó đã thực hiện tội phạm còn phải xác định người đó *"đã thực hiện tội phạm* "còn phải làm rõ yếu tố "*xét thấy cần ngăn chặn ngay viêc người đó trốn*", hoặc "*xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu huỷ chứng cứ"*. Tương tự những quy định trên, trong trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam cũng phải phán đoán: "*bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tuc phạm tội"*. Trên thực tế, việc phán đoán người phạm tội gây khó khăn cho

việc điều tra, truy tố như bỏ trốn, hặc tiêu huỷ chứng cứ hoặc tiếp tục phạm tội … là điều không đơn giản. Theo giải thích của nhiều Điều tra viên, căn cứ phán đoán việc bỏ trốn, tiêu huỷ chứng cứ của người thực hiện tội phạm hoặc người bị nghi thực hiện tội phạm thường dựa vào những yếu tố như: nhân thân của họ (tiền án, tiền sự, lưu manh côn đồ, phạm tội chuyên nghiệp…); dựa vào nơi ở (không có nơi ở rõ ràng); dựa vào kinh nghiệm công tác của bản thân… Thực ra, dựa vào những tiêu chí đó để phán đoán là không đầy đủ, chính xác và không đảm bảo chắc chắn mà có thể sẽ có những trường hợp ngoại lệ và trong các quy định này còn chứa đựng một khoảng lớn là ý thức chủ quan của cán bộ điều tra. Nếu người cán bộ điều tra có trình độ pháp luật vững chắc, kinh nghiệm, khách quan vô tư và lòng nhân đạo thì việc dự báo tương đối có cơ sở, còn nếu ngược lại thì việc áp dụng biện pháp bắt người sẽc tuỳ tiện, là nguyên nhân dẫn bắt người oan sai. Ngoài ra, còn có những quy định rất khó thực hiện khác như không tạm giam đối phụ nữ có thai, người chưa thành niên, người già yếu, bệnh nặng… Trên thực tế, khi bắt bị can để tạm giam thì việc xác định người bị bắt là có thai hay không là điều khó khăn. Nhiều trường hợp, chính người phụ nữ cũng không biết là mình có thai.Vì vậy, có trường Cơ quan CSĐT bắt và tạm giam bị can một thời gian sau đó mới biết là có thai. Tương tự như trên đối với người chưa thành niên phạm tội cũng rất khó khăn, đặc biệt là những đối tượng không có nơi cư trú rõ ràng. Những đối tượng này thường che giấu lai lịch của mình, trong khi thời hạn để ra các quyết định tố tụng hình sự đã được luật quy định. Do đó, nhiều trường hợp sau khi bắt quả tang, tạm giữ một thời gian mới phát hiện đối tượng chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự về tội đối tượng đã thực hiện và phải trả tự do cho đối tượng. Những vấn đề nêu trên là khoảng trống về pháp luật về việc bắt người và là nơi thường xảy ra sai phạm. Thiết nghĩ việc quy định một căn cứ bắt người trong Bộ luật TTHS là điều cực kỳ quan trọng, đòi hỏi phải chặt chẽ, thống nhất để việc áp dụng nhất quán và chính xác. Nếu không tiếp tục nghiên cứu để có biện pháp khắc phục những vấn đề

nêu trên thì việc áp dụng pháp luật liên quan đến việc bắt, tạm giữ, tạm giam trên thực tế sẽ vẫn khó khăn và dễ sảy ra sai phạm.

- Những quy định về áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác thay thế cho biện pháp tạm giam còn mang tính tuỳ nghi và mang nặng yếu tố chủ quan trong khi áp dụng như quy định tại Điều 92, Điều 93 Bộ luật TTHS năm 2003 về biện pháp bảo lĩnh và biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Thực tế, áp dụng những biện pháp này cho thấy do quy định của pháp luật chưa chặt chẽ đã có nhiều trường hợp lợi dụng để "*lách luật*" thực hiện hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến tài sản của công dân.

Nhiều quy định của pháp luật chưa cụ thể, chặt chẽ nhưng thiếu sự giải thích thống nhất đã gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy, hiện nay do chưa có sự hướng dẫn, phân định rõ ràng giữa các quan hệ có tính chất vi phạm pháp luật dân sự, kinh tế, hành chính với các hành vi phạm tội được quy định trong BLHS, nhất là đối với các tội phạm đòi hỏi có điều kiện đã bị xử lý hành chính, định lượng, các tội phạm có tính chiếm đoạt, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm…đã làm cho những người áp dụng pháp luật dễ nhầm lẫn giữa điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự, kinh tế, hành chính nên nhiều trường hợp đã xử lý không đúng tính chất sự việc. Bên cạnh đó, một số vấn đề khác như việc định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, giám định đang có những bất hợp lý, lạc hậu, thiếu khoa học nhưng chưa được hướng dẫn, giải thích nên việc áp dụng rất khó khăn và thực tế đã xảy ra những sai phạm. Ví dụ như vấn đề định giá tài sản, hiện nay BLHS có đến 25 tội danh lấy giá trị tài sản làm căn cứ để xác định có tội phạm hay không, hoặc định khung hình phạt. Chẳng hạn, có một hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác được coi là phạm tội Trộm cắp tài sản tài sản đó có giá trị từ 500.000 đồng trở lên. Vậy khi một người trộm cắp một chiếc xe đạp đã cũ của người khác thì căn cứ nào để xác định rằng chiếc xe đó có trị giá 499.000đ hay 501.000 đồng? Và việc xác định này phải tức thời để quyết định bắt hay không bắt? Định giá tài sản

còn giúp xác định giá trị bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng. Tuy nhiên hiện nay chưa có quy định cụ thể về định giá tài sản cho hoạt động tố tụng đã làm cho các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan chuyên môn không có cơ sở pháp lý cho việc yêu cầu và thực hiện việc định giá dẫn đến mỗi nơi làm một cách nên có những tuỳ tiện, sai sót.

Quy định của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 về phân công thẩm quyền điều tra giữa Cơ quan An ninh điều tra và Cơ quan CSĐT qua triển khai thực hiện đã bộc lộ một số vướng mắc. Theo khoản 1 Điều 12 của Pháp lệnh thì Cơ quan An ninh điều tra cấp tỉnh điều tra các tội phạm quy định tại 13 điều của BLHS nhưng chỉ trong trường hợp các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án cấp tỉnh, quy định này đã dẫn đến tình trạng không phân định rõ thẩm quyền giữa hai cơ quan An ninh điều tra và Cảnh sát điều tra, vì các vụ án mới phát hiện rất khó xác đinh ngay mức hình phạt thuộc thẩm quyền xét xử của toà án cấp nào. Việc giao cho hai cơ quan thụ lý điều tra cùng một nhóm tội phạm cũng gây khó khăn cho công tác nắm tình hình, tham mưu hướng dẫn án, tổng kết thực tiễn, công tác kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát do việc điều tra bị chia cắt. Đồng thời, việc quy định trong Pháp lệnh về thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra đã gây khó khăn lớn cho công tác đấu tranh của lực lượng An ninh đối với các vụ án thực chất là các tội xâm phạm an ninh quốc gia nhưng do yêu cầu chính trị, đối ngoại hoặc liên quan đến những vấn đề nhạy cảm mà phải khởi tố điều tra và xử lý về các tội hình sự thông thường (*như các vụ bạo loạn ở Tây Nguyên, các vụ liên quan dân tộc, tôn giáo*); đối với các vụ án này, việc giao cho Cơ quan An ninh điều tra hay Cơ quan CSĐT đều vướng mắc.

2.3.2. Về tổ chức bộ máy Cơ quan Cảnh sát điều tra

Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Bộ chính trị được nêu trong Nghị quyết số 08- NQ/TW là "*tổ chức và sắp xếp, củng cố lại các cơ quan theo hướng: mỗi đơn vị, bộ phận thuộc cơ quan điều tra cần đượ tổ chức, phân công chuyên sâu về từng lĩnh vực; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra*

và hoạt động trinh sát" và thực hiện quy định mới của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, hệ thống Cơ quan CSĐT đã được bố trí chuyên trách theo từng loại tội phạm ở ba cấp (*Bộ, tỉnh, huyện*).

Nghiên cứu mô hình tổ chức và thực tế bố trí cán bộ điều tra của Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên toàn quốc có thể thấy rằng, hiện nay việc sắp xếp, bố trí Lực lượng Cảnh sát điều tra chủ yếu tập trung ở Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh. Điều này chưa đáp ứng được yêu cầu phân cấp thẩm quyền điều tra theo chủ trương cải cách tư pháp và theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003.

Đồng thời, qua thực tiễn cho thấy mô hình tổ chức Cơ quan CSĐT theo Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm như: có nơi hoạt động của các hệ Cảnh sát điều tra về tội phạm về trật tự xã hội, ma tuý, kinh tế có xu hướng tác nghiệp độc lập, việc sắp xếp bố trí cán bộ chưa hợp lý chưa tương xứng với yêu cầu công việc; tư tưởng coi nhẹ công tác trinh sát, trọng cung hơn trọng chứng, hành chính trong hoạt động điều tra, oan sai vẫn xảy ra, tiêu cực trong điều tra tuy được đẩy lùi nhưng vẫn còn tiềm ẩn.

Về tổ chức Cơ quan CSĐT cấp huyện, hiện nay mô hình chưa thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu mô hình Cơ quan CSĐT cấp huyện phù hợp với thẩm quyền điều tra mới theo hướng tăng thẩm quyền điều tra cho cấp quận, huyện gắn liền với yêu cầu của Nghị quyết 49- NQ/ TW của Bộ chính trị. Trước mắt, Bộ Công an giao cho Giám đốc Công an địa phương căn cứ vào đặc điểm, khối lượng công việc cũng như biên chế cán bộ để bố trí các đội công tác cho phù hợp không nhất thiết huyện nào cũng có đủ 4 đội.

Mặc dù pháp luật tố tụng hình sự không quy định việc phân công điều tra các vụ án cụ thể cho cá nhân một điều tra viên hay một nhóm điều tra viên; nhưng trên thực tế, ở tất cả các Cơ quan CSĐT hiện nay, trách nhiệm điều tra một vụ án luôn gắn với một điều tra viên cụ thể. Với bất cứ vụ án hình sự nào, hoạt động điều tra ban đầu thường do một tập thể cán bộ trinh sát hay một

đơn vị Công an cấp xã thực hiện; nhưng đến khi chuyển cho Cơ quan CSĐT theo thủ tục tố tụng hình sự thì hoạt động đó lại do một cá nhân đảm nhận. Đây là thông lệ bất thành văn chứa đựng nhiều điểm bất hợp lý về tổ chức, đặc biệt là trong điều kiện hệ thống pháp luật về tố tụng hình sự của Nhà nước ta còn chưa hoàn thiện; các điều điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật... để tiến hành hoạt động điều tra còn nhiều thiếu thốn.

Ngoài ra, các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan CSĐT nói riêng còn chưa đáp ứng. Qua khảo sát thấy rằng, hệ thống cơ sở tạm giữ, tạm giam ở Cơ quan CSĐT, đặc biệt là ở Công an cấp huyện còn quá nhiều bất cập. Hầu hết số nhà tạm giữ đã xuống cấp; trong khi để cải tạo, xây mới lại cần số lượng kinh phí rất lớn (hàng nghìn tỷ đồng).

3.2.3. Về đội ngũ điều tra viên

Bộ luật TTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã quy định nhiệm vụ quyền hạn của những người tiến hành tố tụng hình sự nói chung và điều tra viên nói riêng, đã khắc phục được việc quy định chung nhiệm vụ quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và điều tra viên mà chưa quy định một cách đầy đủ cụ thể về nhiệm vụ quyền hạn của những chức danh tố tụng hoặc chưa phân biệt rạch ròi giữa chức năng quản lý và chức năng tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Đối với điều tra viên, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm đã được quy định cụ thể tại Điều 35 Bộ luật TTHS năm 2003. Qua thực tiễn công tác cho thấy, điều tra viên các cấp đã nắm vững nội dung của điều luật, nghiên cứu kỹ nội dung của các văn bản pháp luật về tố tụng hình sự từ đó vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn điều tra các vụ án. Khi tiến hành hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị tạm giữ, người bị hại… không còn hiện tượng bức cung, mớm cung, dùng nhục hình mà trái lại luôn tuân thủ các nguyên tắc tôn trọng quyền cơ bản của công dân, tôn trọng sự thật khách quan của vụ án. Mọi vấn đề trách nhiệm của điều tra viên trong việc hỏi cung bị can đều được thực hiện một cách đầy đủ, vì vậy đã tạo

điều kiện thuận lợi cơ bản cho các bước tiếp theo của quá trình giải quyết vúan hình sự như truy tố, xét xử.

Thực tiễn công tác điều tra khám phá tội phạm đặt ra yêu cầu rất cao vừa đảm bảo việc phát hiện kịp thời, chính xác tội phạm vừa đảm bảo các yêu cầu về pháp luật, tôn trọng và bảo đảm các quyền cơ bản của công dân, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Với yêu cầu đó đòi hỏi cán bộ tư pháp nói chung và điều tra viên nói riêng phải đáp ứng cả về số lượng lẫn chất lượng. Thực tế cho thấy, đội ngũ cán bộ điều tra của Cơ quan CSĐT hiện nay không chỉ thiếu về số lượng mà còn thể hiện nhiều mặt hạn chế dẫn đến hiệu quả công tác điều tra khám phá tội phạm còn chưa cao. Sự hạn chế đó thể hiện qua các mặt sau đây:

- Về trình độ chuyên môn, trong tổng số 10.140 điều tra viên trong Cơ quan CSĐT (*có 198 người ở cấp Bộ, 3.059 người cấp tỉnh, 6.883 người cấp huyện*) thì số cán bộ được bổ nhiệm điều tra viên sơ cấp, trung cấp nhưng chưa có trình độ đại học cảnh sát chiếm tỷ lệ 45,3%; số cán bộ chưa được bổ nhiệm điều tra viên có trình độ trung học, sơ học nghiệp vụ chiếm tỷ lệ 14,2%, số điều tra viên đã tốt nghiệp đại học ngành ngoài nhưng chưa được đào tạo nghiệp vụ công an chiếm tỷ lệ 0,7%. So với nhu cầu cán bộ điều tra thì còn thiếu, vì vậy nhiều nơi, mỗi điều tra viên thụ lý một năm trên 20 vụ án, nếu tính cả việc phải xác minh trước khi khởi tố là khoảng 30 vụ việc, rõ ràng là có sự quá tải về số lượng án thụ lý của điều tra viên. Bên cạnh đó, chúng ta còn quá thiếu những điều tra viên có trình độ cao về khoa học công nghệ, giỏi về ngoại ngữ, tin học.

- Về năng lực nghiệp vụ, do trình độ của điều tra viên còn có mặt hạn chế nên đã ảnh hưởng đến năng lực điều tra, khám phá tội phạm. Năng lực điều tra của điều tra viên thể hiện ở khả năng vận dụng các quy định trong Bộ luật hình sự, Bộ luật TTHS và các quy định trong các văn bản pháp luật khác vào hoạt động điều tra trong một vụ án cụ thể; là khả năng giải quyết tốt tình huống điều tra, nhạy bén và chủ động, biết phối hợp với các lực lượng khác

trong công tác điều tra để làm rõ tội phạm và hành vi phạm tội, làm cơ sở cho việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng chính sách và pháp luật. Trong thực tiễn hoạt động điều tra, bên cạnh những mặt tích cực, một số điều tra viên chưa nắm chắc các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, đặc biệt là những quy định trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, khoa học công nghệ; phương pháp điều tra còn hạn chế, thụ động nặng về hành chính, khả năng mở rộng và khám phá án còn yếu…. Những khuyết điểm trên là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc điều tra vụ án để kéo dài, vi phạm các nguyên tắc của tố tụng hình sự thậm chí dẫn đến oan, sai trong công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm.

- Về phẩm chất đạo đức, tuy tuyệt đại bộ phận cán bộ điều tra có phẩm chất, tư cách tốt nhưng vẫn còn một bộ phận điều tra viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút tính chiến đấu và phẩm chất đạo đức, chạy theo lối sống thực dụng, lo thu vén cá nhân dẫn đến lợi dụng chức trách nhiệm vụ, cương vị công tác để sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân; thông đồng, tiếp tay cho tội phạm, vi phạm pháp luật và kỷ luật của ngành, ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng công an. Nội dung sai phạm chủ yếu là: vi phạm chế độ công tác, thiếu tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật kém, làm sai lệch hồ sơ vụ án. Một bộ phận cán bộ điều tra thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác, không tuân thủ các nguyên tắc của hoạt động tố tụng nên đã dẫn đến các trường hợp oan, sai. Đây là những trường hợp điều tra viên có hiểu biết pháp luật nhưng ý thức trách nhiệm chưa cao, không tuân thủ các nguyên tắc tố tụng hình sự và đã có trường hợp oan, sai.

Bên cạnh đó, có một bộ phận cán bộ điều tra thiếu tôn trọng các quyền cơ bản của công dân, thậm chí có những trường hợp vì động cơ, lợi ích, vì thành tích, vì tư thù cá nhân…đã lợi dụng thẩm quyền của mình thu thập chứng cứ thiếu khách quan, sai sự thật để làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Tóm lại, điều tra, xử lý tội phạm là hoạt động khó khăn phức tạp. Những người làm công tác này đòi hỏi phải đảm bảo những yêu cầu nhất định

về trình độ pháp luật, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức mới có khả năng thực hiện được nhiệm vụ điều tra.

3.2.4. ***Về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự***

Bên cạnh những yếu tố bất cập mang tính nội tại, mối quan hệ trong hệ thống Cơ quan CSĐT nói chung vẫn chịu nhiều sự chi phối của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, đặc biệt là Viện kiểm sát nhân dân . Trong những năm qua, việc phối hợp giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát và Toà án cùng cấp trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố bị can cũng như các hoạt động tố tụng khác … đã có nhiều tiến bộ. Hàng tháng đều tổ chức họp liên ngành để cùng phối hợp, tháo gỡ các vướng mắc đối với những vụ án còn nhiều ý kiến khác nhau về đánh giá chứng cứ, xác định tội danh v.v… Trong trường hợp không thống nhất ý kiến thì xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo liên nghành các cơ quan tố tụng cấp trên để việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ngoài ra, nhiều địa phương còn định kỳ vào cuối quý ba ngành tư pháp cùng nhau rút kinh nghiệm về các vụ án đã giải quyết, vì thế chất lượng điều tra, truy tố, xét xử được nâng lên, số lượng các vụ án trả hồ sơ điều tra bổ sung, điều tra lại giảm đáng kể.

Tuy nhiên, hiện nay mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát (với chức năng kiểm sát các hoạt động điều tra) vẫn đang bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình nhiều khi điều tra viên không chủ động trao đổi với kiểm sát viên những vấn đề mới phát sinh trong quá trình điều tra, những chứng cứ đã thu thập được… Ngược lại kiểm sát viên do không nắm chắc tiến độ điều tra nên kết quả điều tra không được kiểm sát chặt chẽ, những sai phạm trong quá trình điều tra không được phát hiện kịp thời vì vậy đã xảy ra trường hợp từ sai lầm của Cơ quan CSĐT dẫn đến sai lầm của Viện kiểm sát nhân dân.

Đến nay, việc xây dựng quy chế phối hợp giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát nhân dân nhìn chung chưa được thực hiện. Sự phối hợp liên

ngành chưa có quy định cụ thể khi nào thì phối hợp, giới hạn của sự phối hợp nên dẫn đến chờ đợi nhau, những vụ án có ý kiến khác nhau giữa các ngành chức năng phải họp đi họp lại nhiều lần làm giảm tính chủ động của Cơ quan CSĐT. Chính vì vậy, ở mỗi địa phương quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát có sự vận dụng khác nhau gây ảnh hưởng đến kết quả điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan CSĐT.

Kết luận Chương 2

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT ở nước ta trong thời gian qua, Chương 2 của luận văn đã khẳng định: căn cứ quy định của Bộ luật TTHS năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT đã từng bước ổn định, có đóng góp tích cực vào quá trình điều tra xử lý tội phạm. Tuy nhiên, thực tiễn tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT theo pháp luật hiện hành còn bộc lộ một số hạn chế, cụ thể là:

- Về tổ chức bộ máy Cơ quan CSĐT: hiện nay, việc sắp xếp, bố trí lực lượng Cảnh sát điều tra chủ yếu tập trung ở Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh; chưa quan tâm đúng mức đến lực lượng CSĐT ở Công an cấp huyện. Điều này chưa đáp ứng được yêu cầu phân cấp thẩm quyền điều tra theo chủ trương cải cách tư pháp và theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003. Mặt khác, pháp luật tố tụng hình sự cũng như các quy định hướng dẫn của Bộ Công an không quy định việc phân công điều tra các vụ án cụ thể cho một cá nhân, một điều tra viên hay một nhóm điều tra viên. Nhưng trong thực tế, ở tất cả các Cơ quan điều tra hiện nay của nước ta, trách nhiệm điều tra một vụ án luôn gắn liền với một điều tra viên cụ thể. Đây là bất hợp lý về tổ chức điều tra, nhất là trong điều kiện pháp luật tố tụng còn chưa hoàn thiện, các điều kiện vật chất để tiến hành hoạt động điều tra còn nhiều thiếu thốn.

- Về các quy định của pháp luật, cho đến nay, những văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định trong Bộ luật hình sự vẫn chưa đầy đủ; dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác điều tra khám phá tội phạm của Cơ quan CSĐT. Đó là các vấn đề về điều tra khám phá các vụ án tham nhũng, các vụ án kinh tế để khắc phục tình trạng hình sự

hoá các quan hệ dân sự, kinh tế, các quy định tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia. Các văn bản cụ thể hoá Bộ luật TTHS 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 vẫn còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, nhất là các vấn đề liên quan đến trách nhiệm của Cơ quan CSĐT trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự, đặc biệt những văn bản quy định về mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, nhất là giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát trrong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Nhiều vụ án trong quá trình điều tra, xử lý bị kéo dài gây dư luận không tốt trong nhân dân vì cho rằng cơ quan tư pháp áp dụng pháp luật tuỳ tiện. Sự khác nhau trong quan điểm và nhận thức về pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự giữa các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử đã gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý án, có trường hợp dẫn đến oan do cách hiểu và vận dụng quy định của pháp luật khác nhau về việc xác định thế nào là tội phạm, thế nào là oan, phân biệt giữa tội phạm và vi phạm hành chính hoặc tranh chấp dân sự, kinh tế…

Những kết quả nghiên cứu của Chương 2 sẽ giúp cho việc định hướng và đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT trong thời gian tới.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

3.1. Sự cần thiết phải đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay

Trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã chỉ đạo đổi mới các cơ quan tư pháp để bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm ngày càng tốt hơn an toàn pháp lý cho công dân. Theo đó, Đảng đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về đổi mới cơ quan tư pháp, trong đó có cơ quan điều tra. Tại Nghị quyết Trung ương 7 Khoá VIII, Trung ương Đảng đã chỉ đạo: *nghiên cứu thành lập hệ thống cơ quan điều tra tập trung thống nhất, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo giữa cơ quan tố tụng với cơ quan hành chính.*

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã xác định: *Bộ Công an cần thống nhất chỉ huy các cơ quan điều tra thuộc Bộ; mỗi đơn vị, bộ phận thuộc cơ quan điều tra cần được tổ chức, phân công chuyên sâu về từng lĩnh vực và quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, đặc biệt là quyền hạn, trách nhiệm của từng chức danh trong cơ quan điều tra; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra và trinh sát; nghiên cứu sáp nhập các cơ quan điều tra thuộc công an ở địa phương. Có phương án đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan điều tra trong quân đội phù hợp với hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra của Nhà nước. Ở ngành kiểm sát chỉ tổ chức cơ quan điều tra tại Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp*. Thể chế hoá đường lối của Đảng, Nhà nước ta đã khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước, về đấu tranh phòng, chống tội phạm, về cải cách tư pháp. Theo đó, Nhà nước

ta đã ban hành: Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi); các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Viện kiểm sát, Toà án; các Pháp lệnh kiểm sát viên, thẩm phán; đặc biệt là năm 1999, đã ban hành Bộ luật hình sự mới; ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Những văn bản nêu trên được ban hành tạo cơ sở để củng cố và phát triển bộ máy nhà nước, đặc biệt là tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đánh giá của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp về việc thực hiện cải cách tư pháp trong những năm qua cho thấy, hoạt động này đã tạo ra sự chuyển biến tích cực không chỉ trong nhận thức của cán bộ trong cơ quan tư pháp mà còn đối với cả các ngành các cấp và toàn thể xã hội. Tầm quan trọng của công tác tư pháp đã dần đặt trong mối liên hệ với công tác hành pháp và tư pháp. Đồng thời, việc thực hiện cải cách tư pháp đã tạo ra những bước đột phá trong việc đổi mới và hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp đã được nâng cao trong tất cả các khâu từ điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án. Tuy nhiên, cũng theo đánh giá của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp thì hoạt động của các cơ quan tư pháp mới chỉ đủ giải quyết những công việc mang tính bức xúc, tình thế, chưa đủ thời gian để tiến hành những đổi mới mang tính chiến lược. Trong đó, mô hình cơ quan điều tra vẫn chưa được thay đổi; hoạt động của các cơ quan còn nhiều bất cập, kém hiệu quả; đội ngũ điều tra viên còn thiếu và yếu... Do đó, hoạt động của Cơ quan CSĐT trong thời gian tới phải quán triệt sâu sắc quan điểm bám sát nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn của Đảng và Nhà nước, song phải đảm bảo tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân, không được để xảy ra oan, sai.

Bộ luật TTHS năm 2003 có nhiều quy định của pháp luật được sửa đổi, bổ sung chặt chẽ hơn so với Bộ luật TTHS năm 1988; thẩm quyền Viện kiểm sát được mở rộng, sự tham gia sớm của người bào chữa trong quá trình tố

tụng, yêu cầu mở rộng tranh tụng, đặc biệt tăng thẩm quyền xét xử của toà án cấp huyện kéo theo tăng thẩm quyền của Cơ quan CSĐT cấp huyện vốn còn thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ pháp luật, nghiệp vụ. Uỷ ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 388/ NQ-UBTVQH ngày 17/3/2003 về bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp oan, sai trong tố tụng hình sự. Nhà nước đang triển khai xây dựng dự án về bồi thường thiệt hại theo tinh thần tất cả các trường hợp oan sai sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường. Tất cả những vấn đề trên đòi hỏi Cơ quan CSĐT phải nhanh chóng có biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới, đồng thời không được để xảy ra oan, sai.

Đất nước ta đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển về mọi mặt kinh tế, văn hoá, xã hội trong đó những quyền tự do dân chủ của công dân ngày càng được đề cao và mở rộng, trình độ dân trí trong đó có trình độ pháp luật của nhân dân sẽ được nâng lên. Vì vậy, trong hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan tư pháp nói chung và hoạt động tố tụng của Cơ quan CSĐT nói riêng đòi hỏi phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, không được để xảy ra oan, sai. Điều này đòi hỏi Cơ quan CSĐT phải đổi mới trong tổ chức và hoạt động của mình, cán bộ, chiến sĩ của Cơ quan CSĐT không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ pháp luật, nghiệp vụ để đảm bảo hạot động điều tra, xử lý tội phạm phải đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, không để xảy ra oan, sai.

Việc nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của các Cơ quan CSĐT không thể tách rời quá trình cải cách tư pháp hiện nay và phải tiến hành cải cách cả về thể chế, về tổ chức bộ máy, về hoạt động và về cán bộ. Ở nước ta, cải cách tư pháp là một bộ phận, một nội dung quan trọng của quá trình cải cách bộ máy nhà nước và đổi mới hệ thống chính trị nhằm khắc phục các yếu kém, bất cập, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước. Cải cách tư pháp, trong đó có các Cơ quan CSĐT, nhằm tạo lập một cơ chế pháp lý hữu hiệu kiểm soát sự tuân thủ pháp luật và xử lý nghiêm minh những hành vi vi

phạm pháp luật, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo đảm an toàn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Việc đổi mới tổ chức, hoạt động của các Cơ quan CSĐT phải căn cứ vào các chế định pháp luật, nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước cũng như kinh nghiệm hoạt động và tổ chức bộ máy của Bộ, ngành có liên quan hiện nay để xác định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan điều tra trong hệ thống các cơ quan tư pháp nhằm đạt được các mục tiêu, yêu cầu cơ bản dưới đây:

Một là, Cơ quan CSĐT phải là một công cụ mạnh mẽ của nhà nước thực hiện chức năng tư pháp hình sự, có đủ quyền năng pháp lý để trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra, xử lý các vụ án hình sự được nghiêm minh, đúng pháp luật, góp phần bảo vệ Đảng, chế độ và Nhà nước XHCN; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân...

Hai là, hình thành một hệ thống Cơ quan CSĐT phù hợp dựa trên cơ sở xác định rõ mô hình tổ chức và rành mạch về chức năng, nhiệm vụ thích ứng với điều kiện thực tế của nước ta; tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, hoàn thiện chế định pháp lý về địa vị pháp lý của Cơ quan CSĐT, Điều tra viên; quy định cụ thể tiêu chuẩn về đạo đức, phẩm chất chính trị, trình độ pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của chức danh này; xác định rõ chế độ đãi ngộ, cách thức tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh điều tra viên; chính quy hoá lực lượng điều tra viên thông qua việc xây dựng các quy chuẩn, nội dung, chương trình đào tạo, trang bị, cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động tương xứng với vị trí, vai trò của lực lượng này.

Bốn là, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT; tạo lập khung pháp luật làm cơ sở cho Cơ quan CSĐT và điều tra viên hoạt động có hiệu quả.

3.2. Một số giải pháp cụ thể góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự

3.2.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy Cơ quan Cảnh sát điều tra và nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ điều tra viên

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn hơn 10 năm thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, ngày 17/8/2004, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá XI đã thông qua Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thay thế cho Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989. Theo đó, cơ cấu tổ chức của các Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan CSĐT nói riêng đã có nhiều thay đổi.Theo quy định của Pháp lệnh, Cơ quan CSĐT được tổ chức ở ba cấp:

- Tổ chức Cơ quan CSĐT Bộ Công an gồm có: các Cục điều tra và Văn phòng Cơ quan CSĐT.

- Tổ chức của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh gồm có: các Phòng điều tra và Văn phòng Cơ quan CSĐT.

- Tổ chức Cơ quan CSĐT Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm có các Đội điều tra và bộ phận tổng hợp giúp việc.

Căn cứ quy định nêu trên, Tổng cục Cảnh sát cần có kế hoạch rà soát, sắp xếp lại tổ chức theo quy định của Pháp lệnh để trình Bộ Công an có kế hoạch tổng thể tổ chức lại Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan CSĐT nói riêng. Trong đó, cần chú ý cơ cấu lại lực lượng Cảnh sát điều tra theo hướng tăng cường tổ chức và biên chế cho Cơ quan CSĐT cấp huyện; đặc biệt là những huyện đã hoặc sắp thực hiện phân cấp thẩm quyền điều tra đối với các tội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Điều tra viên là người có chức danh tư pháp, là chủ thể chủ yếu và trực tiếp trong việc phát hiện, điều tra khám phá tội phạm trong vụ án hình sự. Chính vì vậy, chất lượng hoạt động của điều tra viên có vai trò quyết định chất lượng hoạt động của Cơ quan CSĐT. Trong Bộ luật TTHS năm 2003 và

Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã quy định một cách cụ thể về nhiệm vụ quyền hạn của điều tra viên cũng như tiêu chuẩn điều tra viên, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm điều tra viên. Những quy định trên chính là sự thể hiện tinh thần đổi mới được nêu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/ 01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới.

Những yêu cầu đổi mới đặt ra đối với điều tra viên nói chung và điều tra viên của Cơ quan CSĐT nói riêng được quy định trong Bộ luật TTHS và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự là:

Một, Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định cụ thể nhiệm vụ quyền hạn của điều tra viên theo hướng tăng thẩm quyền cho điều tra viên, nếu Bộ luật TTHS năm 1988 chỉ quy định điều tra viên được phân công điều tra vụ án và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra của mình, thì Bộ luật TTHS năm 2003 đã sửa đổi, quy định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của điều tra viên. Theo đó, tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTHS quy định: *điều tra viên có nhiệm vụ tiến hành lập hồ sơ vụ án hình sự; triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; quyết định áp giải bị can, quyết định áp giải người làm chứng; thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản; tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra; tiến hành các hoạt động điều tra khác thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra theo sự phân công của thủ trưởng cơ quan điều tra.*

Khoản 2 Điều 35 quy định: " *Điều tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước thủ trưởng cơ quan điều tra về những hành vi và quyết định của mình".*

Như vậy, theo quy định của pháp luật nhiệm vụ, quyền hạn của điều tra viên là rất lớn đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ

trưởng Cơ quan điều tra. Trong trường hợp điều tra viên được giao nhiệm vụ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm thì điều tra viên có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch điều tra xác minh, tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập tin tức, tài liệu, đề xuất với Thủ trưởng Cơ quan điều tra việc xử lý tin theo đúng trình tự luật định. Nếu được giao điều tra toàn bộ vụ án hay một phần vụ án hình sự, điều tra viên được quyền chủ động xây dựng kế hoạch điều tra và tiến hành các hoạt động điều tra theo đúng quy định của Bộ luật TTHS. Kết quả điều tra của điều tra viên là cơ sở để Thủ trưởng Cơ quan điều tra ra các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn…Các hành vi tố tụng của điều tra viên mang ý nghĩa độc lập nhất định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả những hành vi tố tụng của mình.

Hai, để có thể đáp ứng yêu cầu đặt ra cho điều tra viên, Điều 30 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã quy định tiêu chuẩn cần phải có của mỗi điều tra viên, tiêu chuẩn đó là: " *Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ Đại học an ninh, đại học cảnh sát hoặc đại học luật, có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, có thời gian làm công tác thực tiễn theo quy định của Pháp lệnh này, có sức khoẻ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao thì có thể được bổ nhiệm làm điều tra viên.*

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có trình độ đại học các ngành khác có đủ tiêu chuẩn nói trên và có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra thì cũng có thể được bổ nhiệm làm điều tra viên". Pháp lệnh còn quy định các tiêu chuẩn của các chức danh điều tra viên sơ cấp, điều tra viên viên trung cấp, điều tra viên cao cấp và những nguyên tắc, thủ tục cơ bản trong bổ nhiệm, miễn nhiệm điều tra viên.

Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn của điều tra viên là cơ sở pháp lý để xây dựng đội ngũ điều tra viên trong Cơ quan CSĐT theo yêu cầu của cải cách tư pháp. Song, yêu cầu xây dựng đội ngũ điều tra viên có chất lượng còn xuất phát từ thực trạng đội

ngũ điều tra viên trong Cơ quan CSĐT hiện nay. Với lực lượng chiếm 93,8% trong tổng số cán bộ điều tra Công an nhân dân, hàng năm, Cơ quan CSĐT đã điều tra khám phá chiếm tỷ lệ 97% tổng số các vụ án hình sự do các Cơ quan điều tra Công an nhân dân tiến hành, nhiều vụ án lớn, tội phạm có tổ chức, tội phạm tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại, ma tuý đã được điều tra khám phá kịp thời, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và giữ gìn an ninh trật tự. Góp vào thành tích trên có sự đóng góp rất lớn của đội ngũ cán bộ Cảnh sát điều tra. Qua thực tiễn công tác, có thể khẳng định: tuyệt đại bộ phận cán bộ điều tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Đảng, với chế độ XHCN, có phẩm chất đạo đức và ý thức kỷ luật, ý thức phục vụ nhân dân, sẵn sàng chấp nhận gian khổ, kiên quyết tấn công tội phạm. Chất lượng điều tra viên các cấp đã được nâng lên cả về trình độ nghiệp vụ, năng lực làm việc, kiến thức thực tiễn và pháp luật, đã từng bước thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trước yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu về trình độ điều tra viên trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, đội ngũ cán bộ điều tra trong Cơ quan CSĐT còn nhiều bất cập như về trình độ chuyên môn, về phẩm chất đạo đức, năng lực nghiệp vụ (đã được trình bày trong mục 2.3.3).

Từ sự phân tích trên cho thấy sự cần thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ điều tra trong Cơ quan CSĐT nhằm quán triệt quan điểm "Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh" được nêu trong Nghị quyết số 08 -NQ/TW của Bộ chính trị, đồng thời để điều tra viên có thể thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2003, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ điều tra trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, chúng tôi xin nêu một số kiến nghị sau:

Một là, trên sơ sở những quy định chung về tiêu chuẩn điều tra viên trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, cần xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ cho từng chức danh điều tra viên cao cấp, điều tra viên trung cấp, điều tra viên sơ cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ điều tra của lực lượng cảnh sát

điều tra tội phạm về trật tự xã hội, cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý. Sở dĩ phải có những quy định cụ thể, vì tuy các lực lượng trên đều là một bộ phận của cơ quan cảnh sát điều tra các cấp nhưng đối tượng điều tra là nhóm các tội phạm có đặc điểm hình sự riêng biệt nên đòi hỏi cán bộ điều tra phải có trình độ nghiệp vụ thích hợp với yêu cầu điều tra. Đây cũng là cơ sở để xây dựng nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ điều tra theo tiêu chuẩn chức danh trong các học viện, các trường đại học, trung cấp công an.

Hai là, trên cơ sở quy định của Bộ công an "về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Công an nhân dân" (ban hành kèm theo Quyết định số 1252/2004/QĐ- BCA ngày 5/11/2004 của Bộ trưởng Bộ công an), cần xây dựng quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức…, trong đó hướng tới việc thực hiện kiểm tra sát hạch trước khi bổ nhiệm các chức danh cán bộ điều tra. Đồng thời sớm triển khai việc đào tạo cán bộ điều tra chưa đạt trình độ đại học cảnh sát, bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ điều tra cho các đối tượng với những hình thức phù hợp.

Ba là, có kế hoạch từng bước bổ sung, tuyển dụng cán bộ điều tra, trước mắt là cán bộ điều tra cấp huyện; tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn về khoa học công nghệ, kinh tế, ngoại ngữ, tin học có khả năng làm công tác điều tra đưa đi đào tạo, bồi dưỡng để bố trí vào những đơn vị thích hợp. Đồng thời chú trọng nguồn cán bộ tại chỗ để đào tạo, bồi dưỡng trở thành điều tra viên ở các khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Trong việc bố trí, sắp xếp và phân công điều tra viên thực hiện nhiệm vụ điều tra phải chú ý đến phẩm chất và năng lực sở trường của từng cán bộ điều tra, có như vậy mới phát huy được thế mạnh của từng điều tra viên.

Bốn là, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần tấn công tội phạm, rèn luyện phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho điều tra viên, thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT các

cấp cần tăng cường quản lý điều tra viên thông qua việc xây dựng và thực hiện quy chế công tác điều tra và các quy định về quản lý cán bộ điều tra; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ của Cơ quan điều tra cấp trên với Cơ quan điều tra cấp dưới để phát hiện kịp thời những sơ hở, thiếu sót trong công tác và phòng ngừa những sai phạm của cán bộ điều tra.

Để tạo điều kiện cho điều tra viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, Bộ Công an cần có kế hoạch đầu tư các trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết phục vụ công tác điều tra, đồng thời có chính sách phù hợp khuyến khích, khen thưởng xứng đáng những cán bộ có thành tích trong công tác điều tra, khám phá tội phạm.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các quy định khác có liên quan

Do hệ thống pháp luật chưa thật hoàn thiện nên đã gây khó khăn cho hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động của Cơ quan CSĐT nói riêng. Còn thiếu các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS và Bộ luật TTHS dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất.

BLHS năm 1999 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2000, nhưng đến nay mới chỉ có một số văn bản hướng dẫn thi hành. Thực tiễn công tác điều tra khám phá tội phạm cho thấy cần thiết phải có những văn bản hướng dẫn quy định cụ thể các loại tội phạm, nhất là các tội phạm về ma tuý, kinh tế, tham nhũng, tội phạm mà người thực hiện hành vi phạm tội nguyên là những cán bộ, đảng viên, người có chức vụ quyền hạn trong bộ máy nhà nước. Thực tiễn công tác điều tra, xử lý tội phạm cho thấy nếu quy định của pháp luật không cụ thể, rõ ràng, chính xác thì chủ thể áp dụng không thể có cách xử sự chính xác. Đây cũng là một trong các nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau trong việc nhận định tính chất vụ án, xác định tội danh, hướng dẫn xử lý vụ án của Cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát cũng như giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay, theo chúng tôi đang đặt ra những vấn đề mới

cần phải sớm ban hành văn bản để hướng dẫn thực hiện thống nhất trong các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Thứ nhất, về lĩnh vực điều tra khám phá tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự nguy hiểm và tội phạm mang tính quốc tế. Hiện nay, tình hình tội phạm diễn biến rất phức tạp, bên cạnh một số tội phạm đã được kiềm chế và giảm thì một số loại tội phạm nghiêm trọng khác có chiều hướng gia tăng như: giết người, hiếp dâm, cướp tài sản, chống người thi hành công vụ, đáng chú ý là tội phạm có tính quốc tế tăng như tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em ra nước người, cướp tàu thuyền trên biển, buôn lậu quốc tế, loại tội phạm có tổ chức sẽ còn có những dạng hoạt động mới, tinh vi hơn, sảo quyệt hơn, vì vậy cần có những quy định mới làm cơ sở cho việc điều tra, khám phá tội phạm nhằm nâng cao hiệu quả điều tra, làm rõ tội phạm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

Thứ hai, trong lĩnh vực phát hiện, điều tra khám phá các loại tội phạm về tham nhũng, kinh tế, ma tuý. Đây thực sự là một trong những vấn đề bức xúc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta hiện nay. Muốn cho công tác điều tra khám phá các loại tội phạm trên có kết quả, một mặt Cơ quan CSĐT phải phối hợp chặt chẽ với các lực lượng nghiệp vụ khác một mặt phải phối hợp với lực lượng trinh sát, đây là lực lượng có vai trò rất lớn trong công tác phòng ngừa, chủ động phát hiện tội phạm. Lực lượng trinh sát hiện nay là một bộ phận của Cơ quan CSĐT, vì vậy cần phải có văn bản pháp luật quy định làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động trinh sát. Bên cạnh đó, do có hành vi phạm tội xảy ra rất đa dạng và phức tạp nên phải có những quy định cụ thể để xác định chính xác tội danh nhất là các tội phạm về kinh tế, ma tuý. Đối với các tội phạm mà người thực hiện hành vi phạm tội là những cán bộ, đảng viên cần có những quy định pháp luật đồng bộ để tạo điều kiện cho công tác điều tra, khám phá tội phạm và xử lý tội phạm đạt hiệu quả cao.

Thứ ba, bổ sung hoàn thiện một số quy định về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nhất là những quy định liên quan đến biện pháp bắt người.

Bộ luật TTHS năm 2003 ra đời đã sửa đổi, khắc phục nhiều điểm bất hợp lý của một số quy định về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, trong đó có biện pháp bắt người. Tuy nhiên, căn cứ vào BLTTHS và BLHS hiện hành, một số vấn đề sau đây xét thấy còn thiếu chặt chẽ cần được khắc phục, cụ thể:

- Những quy định của pháp luật về căn cứ bắt người còn mang tính dự báo, mà cụ thể là các cụm từ "*xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu huỷ chứng cứ*" trong trường hợp bắt khẩn cấp, hoặc "*có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội* " trong trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam. Những quy định trên mang tính dự báo đòi hỏi cán bộ điều tra phải tự dự báo trên thực tế, đây là điều rất khó khăn, dễ tuỳ tiện và cũng dễ vi phạm.

- Những quy định về việc áp dụng các biện pháp thay thế cho biện pháp tạm giam cũng mang tính chất dự báo, chưa cụ thể khi thực hiện còn mang nặng yếu tố chủ quan của người tiến hành tố tụng cụ thể các cụm từ: "*Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra…có thể quyết định cho họ được bảo lĩnh";* "*Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình trạng của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra…có thể cho họ quyết định đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo…".* Những quy định trên đây, rõ ràng chưa cụ thể khi áp dụng đòi hỏi cán bộ điều tra phải cân nhắc đây là việc rất khó khăn và cũng dễ tuỳ tiện, dễ vi phạm.

- Hiện nay, vì chưa được quy định bằng văn bản mang tính chất pháp lý nên vấn đề định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án hình sự rất tuỳ tiện, thiếu khoa học, mỗi nơi làm mỗi cách dễ dẫn đến làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm. Việc không quy định về định giá tài sản cũng gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý tội phạm nói chung và trong việc bắt người nói riêng.

Để việc áp dụng pháp luật trong quá trình áp dụng biện pháp ngăn chặn được thuận lợi, đúng đắn, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên

cứu hoàn thiện các vấn đề nêu trên, hoặc phải có các văn bản hướng dẫn, giải thích mang tính chất pháp lý để các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng áp dụng thống nhất, chính xác tránh oan, sai.

3.2.3. Cụ thể hoá quy định về thẩm quyền điều tra, phân cấp điều tra và nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

Trong lực lượng Công an nhân dân, Cơ quan CSĐT được tổ chức ở nhiều cấp. Bên cạnh Cơ quan CSĐT, còn có cơ quan An ninh điều tra. Do đó, việc quy định cụ thể về thẩm quyền điều tra, phân cấp điều tra và sự phối hợp giữa các cấp điều tra có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trước đây, để thi hành Bộ luật TTHS và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đã ban hành Chỉ thị số 11/CT về phân công, phân cấp điều tra trong các cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an. Sau khi Nhà nước ta ban hành Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 1023/BCA(V19) về phân công tạm thời thẩm quyền điều tra của các Cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an. Sau khi có Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, vấn đề phân công, phân cấp trong hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT đã được xác định rõ hơn. Tuy nhiên, các văn bản này cũng cần phải được hướng dẫn cụ thể và tiếp tục được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, có sự tham gia của ba cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Mỗi một cơ quan có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng chúng có mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Hoạt động điều tra, truy tố có vị trí rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công tác điều tra của Cơ quan CSĐT. thực tiễn hoạt động điều tra vụ án hình sự cho thấy, nếu có sự phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát ngay từ khi tiếp nhận tin báo, tin tố giác về tội phạm đến khởi tố, điều tra vụ án hình sự sẽ tạo điều kiện thuận lợi

cho Cơ quan CSĐT thực hiện nhiệm vụ của mình và công tác điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan CSĐT đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, trong thực tế cho thấy quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Cơ quan CSĐT.

Bộ luật TTHS năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định những nguyên tắc chung cơ bản về mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan mà làm phát sinh các mối quan hệ trong hoạt động khởi tố, áp dụng, thay đổi hay huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn; trong hoạt động điều tra và kết thức điều tra. Tuy nhiên, qua thực tế áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS 2003 cho thấy, do một số quy định của Bộ luật chưa cụ thể hoặc có những quy định mà thẩm quyền áp dụng thuộc cả hai Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nên quá trình thực hiện đã phát sinh những vướng mắc không chỉ gây lúng túng trong việc thực hiện các thủ tục tố tụng mà còn có thể dẫn đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài. Vì vậy, giữa Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS trong giai đoạn khởi tố, điều tra, làm cơ sở cho việc nhận thức và áp dụng một cách thống nhất của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, từ việc tiếp nhận tin báo về tội phạm đến việc khởi tố, điều tra, áp dụng các biện pháp ngăn chặn để hai cơ quan này phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác điều tra khám phá tội phạm qua đó nâng cao hiệu quả công tác của Cơ quan CSĐT. Bên cạnh đó, cần duy trì thường xuyên các cuộc họp ba ngành (Công an, Toà án, Viện kiểm sát) ở tất cả các cấp điều tra trong hoạt động điều tra, giải quyết vụ án hình sự. Thực tế cho thấy, việc các cuộc giao ban ba ngành có tác dụng rất lớn trong phân cấp điều tra, xác định phương hướng điều tra và xử lý tội phạm.

3.2.4. Xử lý nghiêm minh đối với những người có liên quan đến việc vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Oan, sai là hệ quả của việc thực hiện không đúng những quy định của pháp luật và hậu quả của nó rất nặng nề, phức tạp. Tuỳ theo tính chất, mức độ của hậu quả oan, sai mà người đã gây ra oan, sai phải chịu trách nhiệm nhất định. Đây là trách nhiệm pháp lý phải gánh chịu do việc thực hiện không đúng những quy định của pháp luật trong quá trình khởi tố, điều tra, áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm tăng cường trách nhiệm của những người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, trên thực tế việc xử lý những người có liên quan đến việc oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự chưa nghiêm túc, chưa công bằng. Đa số chỉ những người trực tiếp tiến hành theo mệnh lệnh của những người có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm còn người ra quyết định ít khi bị xử lý. Mặt khác, ở một số địa phương, vì những lý do khác nhau như nể nang, sợ mất thành tích nên có tình trạng lãnh đạo bao che những trường hợp oan, sai và không xử lý nghiêm những cán bộ đã gây ra oan, sai. Điều này tạo cho người có thẩm quyền không đề cao tinh thần trách nhiệm của mình đối với công việc, có tâm lý coi thường trách nhiệm phải gánh chịu. Vì vậy, oan, sai không những không được khắc phục mà vẫn cứ xảy ra. Vấn đề oan, sai bên nghành Toà án, Viện kiểm sát đã xử lý kiên quyết. Để chấn chỉnh tình trạng oan, sai trong điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan CSĐT, Bộ Công an cần quy định rõ bằng văn bản trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng, Điều tra viên, cán bộ điều tra trong Cơ quan CSĐT và những người có liên quan đã gây ra oan, sai, trong đó quy định rõ hình thức, mức độ xử lý và phải xử lý nghiêm túc đề cao tinh thần trách nhiệm của người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kiên quyết chống tình trạng bao che, không xử lý nghiêm người vi phạm và những người có liên quan.

Kết luận Chương 3

Qua nghiên cứu thực trạng tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT ở nước ta trong những năm gần đây; căn cứ quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp, Chương 3 luận văn đã chỉ rõ: trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, việc tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan CSĐT nói riêng là yêu cầu cần thiết.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT, Chương 3 luận văn đưa ra một số giải pháp cụ thể góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT trong tố tụng hình sự:

Một là, kiện toàn tổ chức bộ máy Cơ quan CSĐT và nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ điều tra viên. Theo đó, trong thời gian tới, phải tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ điều tra trong Cơ quan CSĐT nhằm quá triệt quan điểm "Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh" được nêu trong Nghị quyết số 08 -NQ/TW của Bộ chính trị. Đồng thời, để điều tra viên có thể thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2003, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ điều tra trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, cần xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ cho từng chức danh điều tra viên cao cấp, điều tra viên trung cấp, điều tra viên sơ cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ điều tra của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý.

Hai là, hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các quy định khác có liên quan. Cụ thể là, cần có những quy định mới làm cơ sở cho việc điều tra, khám phá tội phạm nhằm nâng cao hiệu quả điều tra, làm rõ tội phạm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay;

ban hành văn bản pháp luật quy định làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động trinh sát; bổ sung hoàn thiện một số quy định về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nhất là những quy định liên quan đến biện pháp bắt người.

Ba là, cụ thể hoá quy định về thẩm quyền điều tra, phân cấp điều tra và nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Cơ quan CSĐT với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Ở nội dung này, luận văn kiến nghị Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS trong giai đoạn khởi tố, điều tra, làm cơ sở cho việc nhận thức và áp dụng một cách thống nhất của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, từ việc tiếp nhận tin báo về tội phạm đến việc khởi tố, điều tra, áp dụng các biện pháp ngăn chặn để hai cơ quan này phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác điều tra khám phá tội phạm qua đó nâng cao hiệu quả công tác của Cơ quan CSĐT.

Bốn là, xử lý nghiêm minh đối với những người có liên quan đến việc vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng của Cơ quan CSĐT. Để chấn chỉnh tình trạng oan, sai trong điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan CSĐT, luận văn kiến nghị Bộ Công an cần quy định rõ bằng văn bản trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng, Điều tra viên, cán bộ điều tra trong Cơ quan CSĐT và những người có liên quan đã gây ra oan, sai, trong đó quy định rõ hình thức, mức độ xử lý và phải xử lý nghiêm túc đề cao tinh thần trách nhiệm của người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kiên quyết chống tình trạng bao che, không xử lý nghiêm người vi phạm và những người có liên quan.

KẾT LUẬN

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Cơ quan điều tra có bộ máy lớn nhất, được tổ chức từ Bộ Công an đến Công an cấp huyện, có thẩm quyền điều tra gần 90% số tội danh quy định trong BLHS hiện hành. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, hoạt động của Cơ quan điều tra nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng có một vị trí hết sức quan trọng. Kết quả của hoạt động điều tra là cơ sở để truy tố và xét xử vụ án hình sự, có ý nghĩa quyết định đến sự thành, bại đối với cả tiến trình tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự hoạt động của Cơ quan CSĐT đã bộc lộ nhiều vướng mắc, như: cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thẩm quyền điều tra chưa hoàn thiện, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của điều tra viên còn hạn chế…, nên hiệu quả hoạt động chưa cao; có trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan ngời vô tội v.v... làm ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả hoạt động điều tra, xử lý tội phạm. Quán triệt tinh thần cải cách tư pháp được nêu trong Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị và Nghị quyết số 49 - NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị nhằm làm sáng tỏ những vấn đề được đặt ra đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT, luận văn đã tập trung làm rõ những vấn đề sau:

1. Trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, qua nghiên cứu các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 về tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT, luận văn tập trung phân tích, trình bày về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan CSĐT, đặc biệt làm rõ những quy định của pháp luật về hoạt động của Cơ quan CSĐT trong tố tụng hình sự từ tiếp nhận tin báo đến khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, các hoạt động điều tra và áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Luận văn đã phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu khảo sát thực trạng về tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đồng thời, bằng các số liệu đã thu thập được, luận văn phân tích rõ ưu, khuyết điểm hoạt động của Cơ quan CSĐT nhất là trong hoạt động khởi tố, tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm, áp dụng các biện pháp ngăn chặn… và chỉ ra những nguyên nhân của những hạn chế đó như trình độ, năng lực của điều tra viên còn hạn chế; văn bản pháp luật còn thiếu; quy định của pháp luật về hoạt động tố tụng của Cơ quan CSĐT chưa cụ thể … đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT.

3. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn đã phân tích những yêu cầu của cải cách tư pháp đối với Cơ quan CSĐT trong những năm tới nhằm khắc phục những hạn chế trong hoạt động tố tụng hình sự của Cơ quan CSĐT. Luận án đã phân tích và trình bày những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự của Cơ quan CSĐT. Những giải pháp đó là hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT; nâng cao hiệu quả quan hệ phối kết hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trong quá trình điều tra vụ án hình sự; nâng cao chất lượng điều tra viên; Xử lý nghiêm minh đối với những người có liên quan việc vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Chúng tôi hy vọng kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự trong thời gian tới và góp phần làm phong phú thêm lý luận về Cơ quan CSĐT ở Việt Nam hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

CÁC VĂN BẢN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/05 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.

CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

4. Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia (1994), Hà Nội.

5. Bộ Luật Hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1988, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia (1994), Hà Nội.

6. Bộ luật Hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia (2000), Hà Nội

7. Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia(2004), Hà Nội.

8. Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm1989, Nhà xuất bản Pháp lý (1989), Hà Nội.

9. Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia (2004), Hà Nội.

10. Uỷ ban thường vụ Quốc hội (2004), Nghị quyết số 727/2004/NQ-UBTVQH ngày 20 tháng 8 năm 2004 về việc thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự.

11. Hệ thống hoá các văn bản pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (1998), Hà Nội.

12. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam 1992, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia, Hà Nội 1994.

13. Pháp lệnh Cảnh Sát nhân dân. Hà Nội 1989.

CÁC TÀI LIỆU KHÁC

14. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh (1994), Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự.

15. Bình luận Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Nhà xuất bản Công an nhân dân (1995), Hà Nội.

16. GS, TS Đỗ Ngọc Quang (1997), Mối quan hệ giữa cơ quan điều tra và các cơ quan tham gia tố tụng hình sự, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia, Hà Nội.

17. Giáo trình Luật Tố tụng hình sự năm, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2004.

18. Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

19. Bộ công an (2004), Chỉ thị số 13/2004/CT-BCA(V11) của Bộ trưởng Bộ công an ngày 22/9/2004 về tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong công an nhân dân, Hà Nội.

20. Bộ công an (2004), Quyết định số 1314/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 15/11/2004 của Bộ trưởng Bộ công an về tổ chức cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện, Hà Nội.

21. PGS, TS Trần Đình Nhã (1997), Về cải cách Cơ quan điều tra, chuyên đề hội thảo khoa học Tố tụng hình sự Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

22. PGS, TS Nguyễn Ngọc Anh, Thẩm quyền điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra và quan hệ phối hợp với các cơ quan khác trong lực lượng Cảnh sát nhân dân trong điều tra tội phạm. Chuyên đề hội thảo khoa học về Tố tụng hình sự - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, 1997.

23. Bộ công an(2002), Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra thuộc Bộ công an, Ban soạn thảo Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Hà Nội.

24. Từ điển Luật học (1999), Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa,

25. Võ Khánh Vinh (2004), Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội

26. TS Lê Hữu Thể (2004), Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08 - NQ/ TW của Bộ chính trị, Đề tài cấp bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

27. Lê Cảm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự Phần chung* (Sách chuyên khảo sau đại học) Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

28. Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân (từ năm 2001 đến 2006).

29. Báo cáo tình hình công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội của Tổng cục Cảnh sát nhân dân (từ năm 2001 đến 2006).

Thank you for evaluating AnyBizSoft PDF Merger! To remove this page, please register your program!

Go to Purchase Now>>

AnyBizSoft

PDF Merger

- ✓ Merge multiple PDF files into one
- ✓ Select page range of PDF to merge
- ✓ Select specific page(s) to merge
- ✓ Extract page(s) from different PDF files and merge into one